

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ MỸ THANH
(1930-2015)**

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

LIBRARY

530 EAST 5TH STREET

CHICAGO, ILL. 60607

1971

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ MỸ THANH
HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ MỸ THANH
(1930-2015)**

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
VOLUME 100, PART 1, 2000
PUBLISHED BY THE
BRITISH ANTHROPOLOGICAL SOCIETY

THE
JOURNAL OF
THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
VOLUME 100, PART 1, 2000
PUBLISHED BY THE
BRITISH ANTHROPOLOGICAL SOCIETY

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Trịnh Tiến Sơn

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND - Trưởng ban

Đặng Quyết Chiến

Phó Bí thư TT Đảng ủy, Chủ tịch HĐND - Phó ban

Đinh Quang Hòa

Đảng ủy viên, Chủ tịch UBMTTQ- Ủy viên

Nông Văn Tuấn

Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND - Ủy viên

Triệu Thị Lợi

Công chức Kế toán - ngân sách - Ủy viên

Đinh Thị Mến

Công chức Văn phòng - thống kê - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Đặng Quyết Chiến

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND - Trưởng ban

Đinh Quang Hòa

Đảng ủy viên, Chủ tịch UBMTTQ - Phó ban

Trương Công Luật

Đảng ủy viên, Phó chủ tịch UBND - Phó ban

Triệu Thị Va

Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Ủy viên

Đinh Thị Mến

Công chức văn phòng thống kê xã - Ủy viên kiêm thư ký

Hoàng Văn Kháng

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã - Ủy viên

Triệu Phúc Y

Chủ tịch Hội Nông dân xã - Ủy viên

Bàn Kim Thanh

Bí thư Chi bộ thôn Nà Cà - Ủy viên

Đặng Quý Tịnh

Bí thư Chi bộ thôn Bản Châng - Ủy viên

Bàn Văn Chung

Bí thư Chi bộ Phiêng Kham - Ủy viên

Nguyễn Thị Tiếp

Bí thư Chi bộ Bản Luông - Ủy viên

Mông Thị Cúc

Bí thư Chi bộ thôn Khau Ca - Ủy viên

Cam Khắc Sấn

Bí thư Chi bộ thôn Cây Thị - Ủy viên

Dương Thị Huệ

Bí thư Chi bộ trường Mầm non - Ủy viên

Nguyễn Lương Diên

Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ trường TH& THCS - Ủy viên

Trương Công Ất

Nguyên Bí thư Đảng ủy - Ủy viên

Hoàng Văn Khoa

Nguyên Chủ tịch UBMTTQ xã - Ủy viên

Hoàng Đình Kinh

Cán bộ Hưu trí - Ủy viên

Thang Văn Cháp

Cán bộ Hưu trí - Ủy viên

Nông Thị Hựu

Cán bộ Hưu trí - Ủy viên

Nguyễn Tiến Long

Cán bộ Hưu trí - Ủy viên

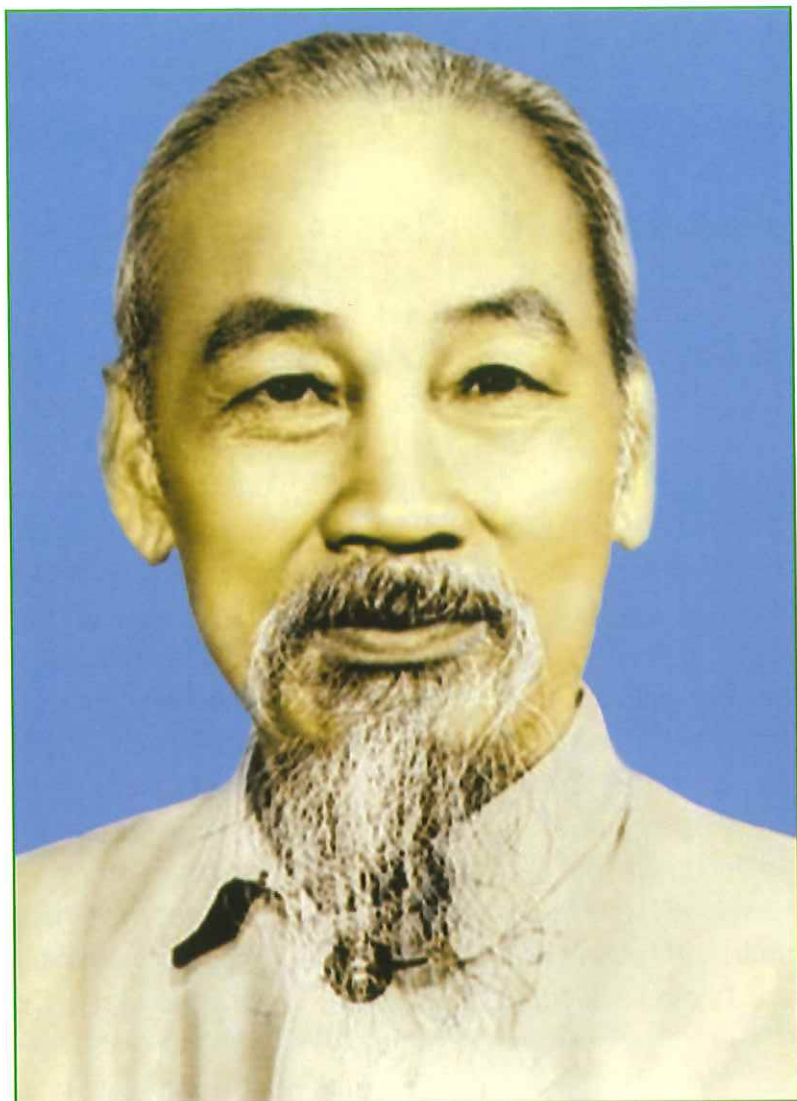
BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ lịch sử: **Đoàn Văn Trường**

Cử nhân lịch sử: **Nguyễn Thanh Tùng**

Cử nhân lịch sử: **Nguyễn Thị Huyền**

Cử nhân lịch sử: **Trần Văn Hoàng**



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)

NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA

phương đối với tiền tuyến miền Nam. Với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, nhân dân Mỹ Thanh góp phần công sức cùng quân dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Hòa bình được lập lại, Chi bộ lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, giải quyết đồng bộ các vấn đề văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng. Cùng với đó, công tác xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể đạt được nhiều kết quả tích cực, nâng cao hiệu quả và vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Năm 1983, Đảng bộ xã Mỹ Thanh được thành lập, đánh dấu sự trưởng thành của tổ chức cơ sở Đảng trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân xã Mỹ Thanh không ngừng phấn đấu thi đua, ra sức phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, đẩy mạnh sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa; củng cố quốc phòng - an ninh; tăng cường xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể, phấn đấu xây dựng quê hương giàu mạnh.

Để ghi lại những mốc son lịch sử của Đảng bộ và nhân dân xã Mỹ Thanh, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và chủ trương Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Mỹ Thanh ban hành nghị quyết về tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Mỹ Thanh (1930-2015)”.

Cuốn sách tái hiện một cách chân thực lịch sử hào hùng của Đảng bộ và nhân dân Mỹ Thanh trong cuộc đấu tranh giành chính quyền ở quê hương, góp sức cùng nhân dân cả nước chiến đấu chống thực dân, đế quốc giành quyền độc lập tự chủ, thống nhất nước nhà cũng như tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển quê hương, đất nước trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cuốn sách được xuất bản là sự cố gắng, nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ban Chỉ đạo, Ban Suru tâm tư liệu và Ban Nghiên cứu - biên soạn, cùng sự tham gia nhiệt tình của các đồng chí cán bộ, đảng viên, quần chúng là những nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã trân trọng ghi nhận đóng góp của các đồng chí và xin cảm ơn sự giúp đỡ, quan tâm của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bạch Thông đã giúp Đảng bộ xã hoàn thành cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ xã Mỹ Thanh (1930-2015)”.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song do nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử người còn, người mất, nên cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiết sót. Vì vậy, chúng tôi mong các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng bạn đọc gần xa góp ý, bổ sung, cung cấp thêm tư liệu để khi có điều kiện tái bản, cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Trịnh Tiến Sơn

Chương I

LỊCH SỬ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI MỸ THANH

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Mỹ Thanh là xã miền núi thuộc huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn, nằm cách thị trấn Phủ Thông 30km về phía đông nam, cách thành phố Bắc Kạn khoảng 12km về phía tây nam. Xã có địa giới hành chính: phía bắc giáp xã Nguyên Phúc (huyện Bạch Thông), phía đông giáp xã Côn Minh (huyện Na Rì) và xã Cao Sơn (huyện Bạch Thông), phía nam giáp phường Xuất Hóa (thành phố Bắc Kạn), phía tây giáp phường Huyền Tụng (thành phố Bắc Kạn).

Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi, chiếm khoảng 90% diện tích đất tự nhiên, các dãy núi với độ cao trung bình từ 120m đến 1.130m. Trong đó điểm cao nhất là núi Cóc Mỏng ở Khau Ca, dãy núi đá lớn nhất phía tây giáp với Xuất Hóa, Cao Sơn. Bên cạnh đó, địa bàn xã có một số dãy núi kéo dài tạo thành các đường ranh giới ngăn cách giữa các thôn trong xã như dãy Khuổi Lầy từ Phiêng Kham, Bản Luông sang Bản Châng, dãy Khuổi Ái ở Nà Cà, Khuổi Nhào, núi Khuổi Miêng ở Bản Châng và Phiêng Kham, ngoài ra có núi Pù Chẻ ngăn giữa xã

Mỹ Thanh và phường Xuất Hóa. Tại các thôn có các đồi núi thấp như: núi Pù Đồn (Bản Luông), núi Khuổi Phi (Bản Châng), núi Ngạm Han (Bản Châng), núi Cốc Sỏ (Thôn Ung), núi Khuổi Lòong (Cây Thị) và Coóc Moong ở Khau Ca.

Hệ sinh thái động thực vật trên địa bàn xã trước đây tương đối đa dạng và phong phú với nhiều loại động vật như hổ, chó sói, trăn... Thảm thực vật với các loại cây thân gỗ giá trị cao như đinh, lim, táu, nghiến... cùng các cây dược liệu như tam thất... Tuy nhiên ngày nay, rừng nguyên sinh bị thu hẹp nên số lượng, chủng loại động thực vật không còn nhiều.

Về khí hậu, Mỹ Thanh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mang đặc trưng khu vực miền núi phía Bắc. Một năm chia làm hai mùa rõ rệt, mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4) với hoạt động mạnh mẽ của gió mùa đông bắc, nhiệt độ hạ thấp, ít mưa, khô vào những tháng 11, 12, mưa phùn vào những tháng 1, 2, 3. Mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) chịu tác động của gió mùa đông nam thổi từ biển vào, nhiệt độ trung bình tăng cao, lượng mưa lớn. Do đó, biên độ nhiệt trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm là 22,2 độ; lượng mưa trung bình năm 1.586mm. Hàng năm, khu vực xã Mỹ Thanh thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ quét, lũ ống; đặc biệt vào tháng 6, 7 do tác động của các đợt gió tây khô, thời tiết oi nóng; cuối tháng 12 đầu tháng 1, khi gió đông bắc chuyển hướng lệch đông, xuất hiện hiện tượng sương muối.

Hệ thống thủy văn tương đối dày đặc với những con sông, khe suối trải khắp các thôn, bản, trong đó lớn nhất là con sông Cầu chảy từ thôn Bản Luông 1 đến thôn Khuổi Duộc, Cây Thị sau đó chảy sang địa phận phường Xuất Hóa. Bên cạnh sông Cầu, xã còn có hệ thống suối, khe rạch khá phong phú bắt nguồn từ các xã lân cận như suối Nà Cáy (Cao Sơn), suối Nà Cà bắt nguồn từ Nguyên Phúc, chảy qua thôn Bản Chàng, đổ vào sông Cầu ở thôn Phiêng Kham.

Tài nguyên đất trên địa bàn xã chủ yếu gồm các nhóm Feralit phân bố theo độ cao. Dưới 200m là đất Feralit nâu vàng trên nền phù sa cổ, phân bố ở ven sông suối, địa hình đồi núi thoải, đất Feralit trên phiến thạch sét, nằm trên địa hình các dãy núi hiểm trở, đất Feralit đỏ vàng trên đá biến chất, đất Feralit đỏ nâu trên các khu vực núi đá vôi, thích hợp cho trồng cây ăn quả, cây công nghiệp. Độ cao từ 200-700m với đất Feralit vàng đỏ trên granit. Trên 700m có loại đất Feralit mùn trên núi cao, loại đất này chủ yếu dành cho phát triển lâm nghiệp. Ngoài ra, thành phần đất đai trong xã còn có đất phù sa ngòi suối, nằm ở địa hình bằng thoải, dọc theo các triền suối, có độ phì khá, thuận lợi trồng lúa và cây công nghiệp lâu năm, đất dốc tụ trồng lúa nước, phân bố xen kẽ rải rác ở toàn xã.

Nhờ những điều kiện về đất đai, nguồn nước nên các cánh đồng nơi đây rất thuận lợi cho canh tác cây lúa. Ngoài ra, vào mùa khô khi thiếu nước sản xuất, nhân dân trong xã chủ động đưa vào loại cây hoa màu nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, cung cấp thêm nguồn lương thực thực phẩm, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Lịch sử hình thành địa giới hành chính

Mỹ Thanh là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời. Từ hàng ngàn năm xưa, mảnh đất nơi đây là đã chứng kiến quá trình khai phá thiên nhiên, xây dựng bản làng.

Trong buổi đầu của lịch sử, thời kỳ nhà nước Văn Lang, địa bàn xã Mỹ Thanh thuộc bộ Vũ Định, 1 trong 15 bộ của nước ta. Sau năm 179 TCN, nước ta bị chính quyền phong kiến phương Bắc xâm lược và thống trị, dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, Bạch Thông đời Hán thuộc quận Giao Chỉ, đời Đường nằm trong châu Võ Nga.

Năm 938, sau chiến thắng trước quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giành lại nền độc lập tự chủ của nước ta, Ngô Quyền chia cả nước làm 8 châu, địa bàn xã Mỹ Thanh thuộc địa phận Lục Châu. Đời Đinh, Tiền Lê, Lý địa phận xã Mỹ Thanh thuộc châu Thái Nguyên (gồm Thái Nguyên và Bắc Kạn). Đến thời nhà Trần thuộc huyện Vĩnh Thông, trấn Thái Nguyên. Năm 1428, sau khi lên ngôi, vua Lê Thái tổ chia cả nước làm 5 đạo, toàn bộ địa bàn tỉnh Bắc Kạn ngày nay thuộc Bắc Đạo. Năm 1464 vua Lê Thánh Tông chia lại nước ta thành 1 phủ và 12 đạo thừa tuyên, địa phận huyện Bạch Thông ngày nay thuộc thừa tuyên Thái Nguyên.

Thời Nguyễn, năm 1831 vua Minh Mạng thực hiện cải cách chia cả nước ta làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên, toàn bộ địa phận huyện Bạch Thông thời điểm này thuộc vào tỉnh Thái Nguyên.

Thời Pháp thuộc, ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn, gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa, Cẩm Hóa. Dưới châu là tổng, dưới tổng là xã, địa bàn xã Mỹ Thanh lúc này thuộc xã Xuất Hóa, tổng Nông Thượng. Ở các xã miền núi có địa bàn rộng, xã được chia làm nhiều bản, bản không phải là cấp hành chính chính thức. Trên vùng đất Mỹ Thanh ngày nay trước năm 1945 đã có một số bản tồn tại như: bản Duộc, bản Châng, bản Luông, bản Khau Ca.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thống nhất hệ thống hành chính cả nước. Địa bàn Mỹ Thanh lúc này thuộc xã Phong Lưu huyện Bạch Thông. Tháng 11/1950, các bản trên địa bàn Mỹ Thanh ngày nay được nhập vào xã Minh Lập huyện Bạch Thông. Năm 1953, xã Kim Đồng (Mỹ Thanh) được thành lập với các thôn: Khau Ca (lúc này Duộc nhập vào Khau Ca), Bản Luông và Bản Châng

Năm 1959, đồng bào người Dao ở xã Cao Sơn, Tân Sơn, Hòa Mục chuyển về xã Kim Đồng, thành lập nên thôn Phiêng Kham. Năm 1962, một số hộ đồng bào người Dao ở Cao Sơn hạ sơn xuống Bản Châng định cư, trên cơ sở đó thành lập nên thôn Nà Cà. Năm 1963, xã đón đồng bào miền xuôi ở Nam Định về địa phương xây dựng kinh tế mới tại Bản Luông, một số hộ đã lập lên đội sản xuất Cây Thị, sau này là thôn Cây Thị.

Tháng 6/1964, thực hiện Quyết định 150-NV, ngày 12 tháng 5 năm 1964 của Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi

tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”¹, xã Kim Đồng đổi tên thành Mỹ Thanh. Quá trình từ những năm 1960 đến cuối những năm 1980, do thực hiện mô hình hợp tác xã chỉ đạo toàn diện về sản xuất, tổ chức khu dân cư ở Mỹ Thanh có những thay đổi, sáp nhập tương đối phức tạp.

Năm 1999, thôn Thôm Ứng xã Côn Minh - Na Rì sáp nhập vào Mỹ Thanh. Những năm tiếp theo, địa phương có những biến đổi về tổ chức khu dân cư, thôn Duộc từng được sáp nhập vào Khau Ca, sau đó tách ra tái lập thành thôn Khuổi Duộc (năm 2004), thôn Bản Luông do dân số đông được tách thành Bản Luông 1 và Bản Luông 2.

Đến năm 2015, toàn xã Mỹ Thanh có 9 thôn: Thôm Ứng, Nà Cà, Bản Châng, Phiêng Kham, Bản Luông 1, Bản Luông 2, Khau Ca, Khuổi Duộc và Cây Thị.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa các cộng đồng dân tộc Mỹ Thanh

Truyền thống lao động sản xuất: Từ xa xưa, vùng đất Bạch Thông nói chung và Mỹ Thanh nói riêng đã có con người định cư, khai phá đất đai, phát triển sản xuất. Tuy có nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế nhưng cư dân ở Mỹ Thanh không ngừng lao động sản xuất, chinh phục tự nhiên để sinh tồn, từ đó hình thành kinh tế tự cấp, tự túc khép kín. Hệ thống cây trồng chủ yếu là lúa, ngô, bên cạnh đó còn trồng thêm các loại cây hoa màu như khoai, sắn, bầu, bí, đỗ... nhằm bổ sung thêm nguồn lương thực, thực phẩm, cải thiện đời sống bữa ăn. Ngoài ra, mỗi gia

1. Từ năm 1965 đến 1996, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, huyện Bạch Thông thuộc tỉnh Bắc Thái. Từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Kạn tái lập, huyện Bạch Thông thuộc tỉnh Bắc Kạn.

đình đều có vườn cây ăn quả phổ biến với các loại cây như chuối, cam, quýt...

Bên cạnh trồng trọt, nhân dân Mỹ Thanh kết hợp chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, ngựa, gà... tuy nhiên số lượng không nhiều, chủ yếu là phục vụ sản xuất nông nghiệp, tín ngưỡng, làm thực phẩm cải thiện bữa ăn hàng ngày.

Hiện nay, nhờ sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và các cấp chính quyền, sản xuất thủ công nghiệp và dịch vụ đã dần xuất hiện ở các thôn bản, góp phần thúc đẩy hoạt động lao động của nhân dân, cải thiện, nâng cao cuộc sống, tạo diện mạo mới cho mảnh đất Mỹ Thanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Mỹ Thanh tiếp tục phát huy truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của thế hệ cha ông, tận dụng các điều kiện mới, không ngừng thi đua lao động sản xuất, đưa quê hương Mỹ Thanh ngày thêm giàu đẹp.

Truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng: Địa bàn xã Mỹ Thanh có 4 thành phần dân tộc sinh sống gồm: Tày, Dao, Nùng, Kinh. Cộng đồng các dân tộc ngày nay vẫn bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa vật chất, tinh thần, thể hiện bản sắc riêng của từng tộc người. Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa, đạo đức giữa các dân tộc có nét tương đồng, góp phần củng cố mối quan hệ đoàn kết, bền chặt của đồng bào các dân tộc trong xã Mỹ Thanh.

Nhà ở truyền thống của đồng bào Mỹ Thanh có hai loại hình cơ bản là nhà sàn và nhà đất. Trải qua nhiều đời chung sống, đồng bào các dân tộc đã hòa nhập và ảnh hưởng nhiều nét văn hóa của nhau cũng như tiếp nhận những giá trị văn hóa mới. Hiện nay, bên cạnh những ngôi

nhà cổ truyền, nhiều hộ gia đình đã xây nhà theo kiến trúc của miền xuôi.

Trang phục là yếu tố quan trọng trong văn hóa các dân tộc xã Mỹ Thanh, phản ánh nếp sống của con người trong mỗi cộng đồng dân tộc. Đặc biệt, trang phục của người phụ nữ được trang trí cầu kỳ và đẹp mắt, thể hiện tính thẩm mỹ cao, sự khéo léo, tài hoa và mang trong đó bản sắc của từng tộc người.

Văn hóa ẩm thực truyền thống của đồng bào các dân tộc Mỹ Thanh mang đậm đặc trưng văn hóa miền núi rừng với những món ăn đặc sản như: Thịt lạp, thịt thính, hém thịt... Bên cạnh đồ ăn, các thức uống phổ biến là rượu, trà, lá vối...

Trong sinh hoạt văn hóa, cộng đồng các dân tộc xã Mỹ Thanh, trong đó, đồng bào người Tày thôn Duộc xã Mỹ Thanh vẫn lưu giữ những câu ca đối đáp với người Tày xã Lục Bình như sau: Thíp ám nửa cáy ton/Bầu táy ám Mon¹ Tày Duộc (Mười miếng thịt gà thiến/Không bằng miếng Mon người Tày Duộc), Người Lục Bình đối lại: “Nhẻn chín khâu chấm phjắc. Bầu nhẻn chín bóop chấm pya” (Chịu ăn cơm chấm muối, không thềm ăn ngô chấm cá), và “Nhẻn pẻn slip ghé tẻnh hua/Bầu nhẻn hết lủa Tày Duộc” (Mười cái nhọt trên đầu/Không chịu là dẫu Tày Duộc).

1. Cây Mon giống cây ráy, thân cây có thể ăn được, loại cây này nếu không biết nấu thì không ăn được, bà con người Tày thường hái về nấu canh, tước vỏ, sau đó cho mỡ già vào, khi nước sôi thì mới được đảo, nếu cho luôn nước sôi sẽ bị ngứa.

Trong tôn giáo, tín ngưỡng, trước đây xã Mỹ Thanh có nhiều công trình văn hóa tâm linh phục vụ đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc. Trong đó có đình Bản Châng và đình Bản Luông gắn với 2 sự tích khác nhau.

Sự tích đình Bản Châng thờ ông Nông Đức Vận quê ở Mòn (xã Vũ Muộn) và đình Bản Luông thờ công chúa Lê Thị Ngân. Ông Nông Đức Vận là người học rộng, tài cao, đỗ quan dưới thời nhà Hậu Lê, được vua Lê gả cho con gái là công chúa Lê Thị Ngân. Trong thời gian làm quan, ông có nhiều công lao giúp nhân dân các vùng núi phía Bắc, sau này, nhà Lê có nhiều phe phái tranh giành quyền lực, ai cũng muốn nắm quyền về phe mình, nên chúng bày ra một bữa tiệc có đủ sơn hào, hải vị, đủ thức ăn ngon vật lạ. Bữa tiệc gồm đủ vua, quan trong triều. Vua mời mọi người nâng đũa. Ông Nông Đức Vận cảm đũa gấp một miếng măng nhồi, bộn quan lại nịnh thần liền mách bảo vua: “Đây ông Kổng Vận chỉ biết cai quản miền núi, làm gì biết cai quả đồng bằng, sông biển,...”, Vua liền ra lệnh bắt giam ông vào ngục.

Câu chuyện lan ra khắp kinh kỳ Thăng Long, ông liền sắm một con thuyền, một cái chum bằng sành sứ đưa công chúa ngồi vào chum, rồi chèo thuyền ngược Sông Cầu lên tỉnh Thái Nguyên, và lên đến Nậm Khánh thì Thác (có nghĩa là chết, nghĩa là thuyền hỏng, chum vỡ) phải ra khỏi thuyền, khỏi chum, đi ngược lên cạm mả, bỏ ngựa đi bộ vào Khuổi Héc, lại sang Nà Cáy rồi sang Nam Luân. Lúc này đã khoảng 13 giờ chiều, bọn trẻ chăn trâu đã đuổi trâu vào bãi cỏ, quay ra đốt lửa mà mình nướng khoai để ăn thì thấy ông Kổng Vận ăn khoai nướng. Bọn trẻ tươi cười nói:

“Ông Kổng Tày mồn chia phước mốt”

(Nghĩa là: Ông Kổng Tày muốn ăn khoai nướng, “mốt” tiếng Tày là “nướng”; tiếng Kinh là “thối, không ăn được”).

Ông Kổng trả lời:

“Đời đời đốt đặc đất Nam Luân”

Ăn khoai xong tất cả đoàn người lên núi Phja Khao (xã Cao Sơn), quan quân triều đình truy đuổi ráo riết, bao vây ngặt nghèo, biết không còn đường thoát, ông lấy vải hồng bịt mắt con ngựa bạch, sau đó phi xuống vực núi đá tự vẫn. Sau khi chồng chết, công chúa Lê Thị Ngân trốn về núi Khau Khuốt để tang thờ chồng và mất ở đó. Cảm kích trước công lao của ông Nông Đức Vận với nhân dân cũng như tiết hạnh của công chúa, nhân dân Bản Châng lập đình thờ ông Nông Đức Vận, nhân dân ở Duộc lập đình thờ bà Lê Thị Ngân ở cánh đồng Pjai Lùng. Trước đây, các cụ già trong thôn Phja Khao (xã Cao Sơn) nói còn thấy cây kiếm dài 6 gang đặt trong hang đá Phja Khao, vì sợ là kiếm thần nên không ai dám lấy.

Đình Bản Châng là nơi nhân dân hàng năm tổ chức lễ hội Lồng Tồng vào ngày 6/1 trên đám ruộng Nà Đính. Ngoài lễ hội Lồng Tồng tại Bản Châng, xã Mỹ Thanh trước đây còn có lễ hội Lồng Tồng ở thôn Khau Ca tổ chức vào ngày 7/1 âm lịch trên cánh đồng Đon Tượng. Buổi sáng diễn ra phần lễ, trong đó mỗi hộ sắm sửa một mâm cỗ gồm: thịt lợn, thịt gà, các loại bánh, chè lam, khẩu thủy, bánh chưng, bánh dày và xôi ngũ sắc. Đặc biệt, trong đồ lễ phải có một mâm quả đu đủ chín được đặt 1 con dao phía trên gọi là “pja đăm híc”. Buổi chiều diễn ra

phần hội, nổi bật với trò chơi tung còn, được thể hiện qua câu thơ: Còn bên prây bên mà rì rây/Vui tầu bặng xuân nầy chập cấn (Còn bay đi bay lại rầm rập/Vui nào bằng xuân này gặp nhau). Buổi tối diễn ra lễ hội lượn tính do một thầy pụt và một người đệm đàn tính ca hát suốt đêm, có những năm hội lượn tính diễn ra trong 3 đêm mới kết thúc, thu hút đông đảo nhân dân mọi lứa tuổi và khách thập phương đến nghe.

Tuy nhiên trong cuộc tiến công Đông - Xuân 1947, toàn bộ cơ sở tâm linh trên địa bàn bị thực dân Pháp phá hủy, kể từ đó, nhân dân cũng thôi không tổ chức lễ hội Lồng Tồng.

Văn hóa cộng đồng các dân tộc ở Mỹ Thanh còn giữ được nhiều giá trị cổ truyền, những phong tục tập quán cổ hủ đã dần bị loại bỏ, cuộc sống ngày càng nâng cao và những tiến bộ văn minh đang dần được nhân dân tiếp cận.

Chương II

MỸ THANH THAM GIA VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP 1930-1954

I. NHÂN DÂN MỸ THANH THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1930-1945)

1. Tình hình chính trị kinh tế xã hội thời kỳ Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng) chính thức xâm lược nước ta. Đến năm 1884, sau khi buộc nhà Nguyễn ký hiệp định Pa-tơ-nôt, thực dân Pháp cơ bản hoàn thành việc xâm chiếm nước ta. Nhằm bình định vùng núi phía Bắc, ngày 19/3/1884, từ Bắc Ninh, quân Pháp tiến lên đánh chiếm tỉnh Thái Nguyên. Tháng 11/1894, Pháp xây dựng đồn binh tại Phủ Thông, từ đó chúng cho quân đánh rộng ra các vùng xung quanh. Đến cuối năm 1895 chúng đã cơ bản hoàn thành việc chiếm đóng các khu vực thuộc Bạch Thông.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 5 châu: Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Chợ Rã. Trong đó, châu Bạch Thông gồm có 5 tổng Phương Linh, Hà Vị, Nông Thượng, Nông Hạ, Yên Đĩnh. Thời kỳ này vùng đất Mỹ Thanh thuộc tổng Nông Thượng.

Để thực hiện việc quản lý và khai thác thuộc địa, thực dân Pháp duy trì hệ thống quan lại phong kiến, đồng thời

cắt cử những viên quan lại người Pháp nắm giữ những chức vụ quan trọng. Tại cấp tỉnh, đứng đầu có công sứ Pháp, và tổng đốc người Việt, Tỉnh lý đóng ở thị xã Bắc Kạn. Dưới tỉnh là châu, đứng đầu là tri châu. Dưới châu là tổng, đứng đầu là Chánh tổng, Phó Chánh tổng người bản địa.

Tại cấp xã, đứng đầu là Lý trưởng, ngoài ra, có Phó lý giúp việc thu thuế, bắt phu, bắt lính, Thủ bạ phụ trách khai sinh, giá thú, Xã lộ để trông nom đường xá, giao thông. Trong các bản có chức Khán lộ (Khán viên) quản lý mọi mặt hành chính, đời sống. Đặc biệt, nhằm tăng cường an ninh và trấn áp các cuộc nổi dậy của người bản địa, thực dân Pháp duy trì đội ngũ Trương tuần để tuần tra canh gác và đặt thêm chức Xã đoàn phụ trách trật tự, trị an. Trên cơ sở bộ máy cai trị các cấp, cùng hệ thống quân đội do chúng thiết lập nên, thực dân Pháp kiểm soát gắt gao mọi hoạt động trong địa phương, đàn áp các phong trào cách mạng của nhân dân, thực hiện các chính sách bóc lột gây ra sự thống khổ cho nhân dân.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống nhân dân Mỹ Thanh hết sức cơ cực. Về kinh tế, chúng đặt ra các loại thuế, trong đó có thuế điền với các hạng: ruộng nhất đẳng điền 7 đồng/mẫu, nhị đẳng điền 5 đồng/mẫu, tam đẳng điền 4 đồng/mẫu. Bên cạnh thuế điền còn có thuế thân, đàn ông từ 18 đến 45 tuổi hàng năm phải đóng thêm thuế đinh có giá bằng một con trâu “thầu” (trâu cái tơ). Chế độ thuế khóa nặng nề dẫn đến hậu quả nhiều gia đình sau mỗi mùa vụ không đủ số thóc để nộp phải bán trâu bán bò đi để có tiền nộp thuế.

Bên cạnh đó, thực dân Pháp bắt nam giới phải mang trong người tấm thẻ đinh với giá rẻ nhất là 3,5 đồng một

chiếc. Trên cơ sở đó, thực dân Pháp thường xuyên tiến hành khám xét việc mang thẻ đinh, khi khám xét nếu ai không có sẽ bị bắt tù đầy. Thông qua việc mang thẻ đinh, chúng kiểm soát số đinh nam chặt chẽ, đồng thời âm mưu chia tách người dân khỏi những người cộng sản và truy bắt những người cộng sản hoạt động bí mật trong toàn khu vực.

Bên cạnh việc thu thuế, thực dân và chính quyền phong kiến bắt dân đinh trong làng mỗi người phải chịu phu phen 2-3 lần trong năm với những công việc nặng nhọc như làm đường Khuổi Pái đi Côn Minh, xây dựng các công trình phục vụ công cuộc khai thác của chính quyền thực dân, hoặc phu tải, khiêng cáng cho quan lại đi du lịch, tuần tra, tải đồ cho quan quân mỗi khi chuyển nơi làm việc. Việc phu phen diễn ra cực khổ, dân phu thường xuyên bị đánh đập tàn nhẫn khiến nhiều người bị thương nặng. Những người muốn tránh đi phu phải nộp hàng chục đồng bạc, bất kỳ ai trốn đi phu hoặc không nộp thay sẽ bị bắt đi tù.

Vào khoảng năm 1939-1940 Vy Văn Cát người ở xã Xuất Hóa làm đội lệ cho thực dân Pháp (thường gọi là “Lệ Cát”) sống ở thị xã Bắc Kạn nhưng đã cấu kết với bọn quan lại và thực dân Pháp âm mưu chiếm toàn bộ ruộng và soi bãi của Duộc làm đồn điền, biến nông dân Duộc thành tá điền. Vy Văn Cát được Công sứ tỉnh Bắc Kạn cấp giấy cho lập đồn điền phía Bắc từ soi Buốc Thắng đến phía Nam soi Buốc Bon, phía Tây từ làng Bản Luông, Khau Ca sang phía Đông từ Vằng Cháo xuống Cốc Thị và Vằng Dạng, chiếm hết đất và ruộng của Duộc.

Để thực hiện lập đồn điền, năm 1940, Vy Văn Cát cho vợ chồng Xạ Đước sang làm lán trại ở Buốc Thắng, phát soi trồng ngô, khai phá ruộng hoang, mỗi năm mở rộng ra phát triển xuống phía Nam, đến năm 1945 diện tích soi bãi ruộng khoảng 5.000m². Lúc này, cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang lên cao, Nhật lại đảo chính Pháp khiến bọn tay sai phản động hoang mang, Vy Văn Cát phải cho vợ chồng Xạ Đước bỏ Duộc về Xuất Hóa, bỏ lại đất khai phá đó cho nhân dân Duộc. Từ đó nhân dân Duộc gọi đất khai phá là “đất soi Xạ Đước” (thuộc cánh đồng Buốc Thắng).

Trong văn hóa xã hội, về giáo dục, thực hiện chính sách ngu dân, thực dân Pháp hạn chế mở trường dạy học theo chương trình giáo dục mới tại Bạch Thông, trong khi giáo dục cũ vẫn được duy trì tại nhiều nơi. Địa bàn xã Mỹ Thanh lúc này có ông Nguyễn Đình Thanh là thầy đồ dạy chữ Hán cho số ít học trò trong thôn Duộc và bản Chàng cùng một số nơi thuộc địa phận xã Côn Minh (Na Rì), còn lại 95% dân số mù chữ.

Thực dân Pháp ít quan tâm đến y tế, toàn tỉnh Bắc Kạn có một nhà thương với khoảng 30 giường bệnh, chỉ có 1 bác sĩ và một số y tá, giá vào nằm nhà thương ít nhất là 5 đồng. Ở cấp châu, xã không có cơ sở y tế, nhân dân ốm đau hầu hết phải dựa vào kinh nghiệm dân gian hoặc cúng bái. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra, tuổi thọ trung bình của người dân từ 32-35 tuổi, tỷ lệ tử vong của trẻ em hơn 30%.

Với âm mưu làm suy kiệt giống nòi, giảm ý chí chiến đấu của nhân dân ta, thực dân Pháp chủ trương duy trì, dung dưỡng các tệ nạn xã hội cùng tập quán lạc hậu. Tình

trạng tảo hôn, thách cưới nặng nề cũng như nạn cờ bạc, rượu chè, hút thuốc phiện diễn ra phổ biến.

Ở Bạch Thông, dưới sự cai trị hà khắc của thực dân Pháp, trong 3 năm 1932-1934, nhân dân hai tổng Hà Vĩ và Nông Thượng trong đó có nhân dân Mỹ Thanh do ông Nguyễn Bông (Xuất Hóa) và ông Chi (Cao Kỳ) đứng lên tổ chức phong đấu tranh chống thuế một cách mạnh mẽ, lôi cuốn nhiều đồng bào dân tộc tham gia. Phong trào lên đến đỉnh cao, nhân dân cùng nhau đưa kiện bọn quan lại địa phương lên phủ toàn quyền.

Sự tham gia vào các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân thôn Duộc đã góp phần không nhỏ vào phong trào đấu tranh chung của nhân dân toàn huyện Bạch Thông, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất, lòng dũng cảm và sự đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc nơi đây.

Chính sách thống trị khắc nghiệt của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân Mỹ Thanh lâm vào cảnh cơ cực làm than, mâu thuẫn với thực dân và tay sai phong kiến ngày càng sâu sắc. Với truyền thống yêu nước, khao khát tự do, không chịu khuất phục trước ách áp bức bóc lột của bọn thống trị, nhân dân Mỹ Thanh dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng đã hăng hái tham gia cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc.

2. Tham gia vận động giành chính quyền trong Cách mạng 1945

Sau nhiều năm bôn ba nước ngoài, được tiếp cận nghiên cứu lý luận, thực tiễn và xác định lập trường cách mạng theo khuynh hướng vô sản, năm 1920, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước, chuẩn bị tiền đề để thành lập một chính Đảng vô sản. Trên cơ sở phong trào vô sản phát triển mạnh mẽ, ngày 3/2/1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời, tạo một bước ngoặt lớn cho cách mạng nước ta.

Ngay sau khi được thành lập, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh mạnh mẽ. Trong phong trào cách mạng những năm 1930-1936 và 1936-1939, địa bàn Mỹ Thanh cách xa các trung tâm cách mạng nên cơ bản trong 10 năm đầu sau khi Đảng thành lập, ảnh hưởng cách mạng chưa đến vùng đất này.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ. Tại Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân ta, phục vụ nhu cầu chiến tranh, đồng thời đẩy mạnh đàn áp, khủng bố tàn bạo phong trào đấu tranh cách mạng của Việt Nam.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cầu kết với Nhật Bản thực hiện nhiều chính sách vơ vét làm cho nhân dân ta rơi vào tình cảnh một cổ hai tròng. Tại Bạch Thông, Pháp tăng các loại thuế trong đó thuế đinh tăng từ 2,5đ lên 5đ một người, thuế điền được gộp thành một hạng và tăng lên 50%, thuế câu bai (thuế đánh vào nương rẫy vùng cao) tăng từ 0,15đ lên 0,30đ, thuế môn bài tăng gấp 4 lần. Chúng tăng giá các mặt hàng thiết yếu đối với nhu cầu đời sống của nhân dân như diêm, muối, vải, dầu thấp đồng thời đẩy mạnh thu mua lương thực, thực phẩm.

Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì được tổ chức tại Pác

Pó (Hà Quảng - Cao Bằng), Hội nghị nhân mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc là “bức thiết nhất” và thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh hội¹ nhằm tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh chống thực dân, tay sai. Phong trào cách mạng phát triển ở nhiều địa phương tại Bắc Kạn xong về cơ bản trên địa bàn của Mỹ Thanh ngày nay chưa gây dựng được ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh.

Cuối năm 1943, phong trào cách mạng tại Bắc Kạn nói chung, Bạch Thông nói riêng có sự phát triển mạnh mẽ, ngày 23/1/1944, Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn được thành lập, lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh Bắc Kạn nói chung, huyện Bạch Thông nói riêng.

Đi đôi với tuyên truyền, vận động quần chúng, thành lập lực lượng tự vệ, các cán bộ Việt Minh đẩy mạnh tuyên truyền và giác ngộ quần chúng nhằm phát hiện người có tinh thần cách mạng, ưu tú kết nạp vào tổ chức. Trên cơ sở đó, tháng 3/1945, ông Nguyễn Đình Mậu được đồng chí Triệu Đức Ngự (Nguyễn Phúc)² và đồng chí Hán, đồng chí Long³ kết nạp vào Tổng bộ Việt Minh, trở thành cán bộ Việt Minh đầu tiên của thôn Duộc.

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai dần đi vào kết thúc, phe phát xít thất bại trên mọi chiến trường. Trước tình hình đó, ngày 9/3/1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp, độc quyền chiếm lĩnh Đông Dương. Trước

1. Gọi tắt là mặt trận Việt Minh

2. Đồng chí Triệu Đức Ngự vừa dạy học tại xã Mỹ Thanh, vừa tham gia hoạt động cách mạng.

3. Đồng chí Hán, đồng chí Long chưa suu tầm được họ tên đầy đủ.

sự kiện Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. Qua đó, cán bộ cách mạng đẩy mạnh hoạt động trong toàn dân, mở rộng khu căn cứ địa kháng chiến cũng như chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ khởi nghĩa.

Trung tuần tháng 3/1945, quân Nhật chưa đánh lên Bạch Thông, nhưng sau khi được tin cuộc đảo chính, bộ máy thống trị của Pháp lập tức bị tê liệt. Lính Pháp bỏ chạy khỏi thị xã. Chính quyền tay sai cũng hoang mang, rệu rã.

Ngày 25/3/1945, một đội quân Nhật gồm 500 tên từ Cao Bằng theo đường số 3 xuống chiếm đóng Bắc Kạn. Nhật cử tên Đinh Văn Chân là tỉnh trưởng, thống nhất đội lính khố xanh và lính cơ thành Bảo an binh làm tay sai cho chúng. Sau đó, chúng thành lập nên một số đảng phái chính trị thân Nhật như “Tỉnh bộ Đại Việt”, “Thanh niên Đại Việt”, “Bảo an đoàn”... Thông qua các tổ chức đó, chúng ra sức tuyên truyền cho thuyết “Đại Đông Á” hòng lừa gạt quần chúng.

Giữa năm 1945, 1 trung đội Nhật khoảng 30 lính do tên đội Ngọc chỉ điểm tiến vào Duộc nhằm bắt đội ngũ chức dịch trong thôn. Dưới sự hướng dẫn của các đồng chí cán bộ Việt Minh, chức dịch thôn như Xạ Hiệp (Đình Quang Hiệp), Phó lý Hoàng Văn Hòa, thôn trưởng Nguyễn Văn Thành chủ động vào rừng trốn địch, nhân dân trong thôn bắt hợp tác với chúng.

Không thực hiện được ý đồ, chúng vào nhà dân bắt gà và lợn, sau đó tiến sang Bản Luông, Khau Ca bắt 10 thanh

niên đi tải đạn sang Xuất Hóa. Trước sự phản đối quyết liệt của nhóm thanh niên cũng như nhân dân thôn Bản Luông, Khau Ca, khi đi đến gốc cây gạo thuộc địa phận xã Xuất Hóa cạnh quốc lộ 3, chúng cho 10 người trở về.

Sáng 2/7/1945, khoảng 100 quân Nhật từ thị xã Bắc Kạn mở các cuộc càn quét vào vùng giải phóng giữa Bạch Thông và Chợ Đồn. Các đội tự vệ du kích của ta liên tục mở các cuộc tập kích chống địch càn, tiến đánh địch ở nhiều vị trí, đồng thời phá hoại giao thông, chặn đường tiếp tế của chúng trên đường số 3. Do bị ta liên tục tấn công, bao vây, chia cắt, địch co cụm về một số vị trí trọng yếu. Đến cuối tháng 7/1945, lực lượng địch chủ yếu chỉ còn trong thị xã Bắc Kạn và một số thị trấn của các huyện.

Phấn khởi trước những thắng lợi của quân dân ta, nhân dân ngày càng vững tin vào cách mạng, nêu cao tinh thần hăng hái tham gia khởi nghĩa. Nhân dân các xã thuộc Bạch Thông tích cực đóng góp lương thực, thực phẩm nhằm giúp đỡ các đội tự vệ và Quân giải phóng hoạt động trên địa bàn châu.

Đầu tháng 8/1945, quân Nhật đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, trước tình hình đó, Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc và Quốc dân đại hội họp ở Tân Trào quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước. Đêm 13/8/1945, bản Quân lệnh số 1 được phát đi từ Tân Trào, kêu gọi toàn dân cả nước nổi dậy giành chính quyền.

Tại Bắc Kạn, ngày 21/8, quân và dân ta tiến vào thị xã Bắc Kạn chiếm giữ các công sở. Ngày 22/8, các trại Bảo an binh bị giải tán, chính quyền cấp tỉnh của địch bị xóa bỏ. Sang ngày 23/8, toàn bộ quân Nhật rút khỏi Bắc

Kạn. Các xã thuộc châu Bạch Thông lúc này hoàn toàn được giải phóng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Tổng bộ Việt Minh, cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám của nhân dân ta diễn ra thắng lợi. Ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật cùng bè lũ tay sai bị lật đổ, chính quyền cách mạng được thành lập, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do và hạnh phúc.

II. Củng cố chính quyền, xây dựng hậu phương, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

1. Xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên toàn quốc của nhân dân là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử, mở ra một kỷ nguyên độc lập dân tộc. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Tuy nhiên, nhà nước non trẻ vừa mới ra đời đã đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách: ngân sách trống rỗng, kinh tế lạc hậu, nạn đói diễn ra trầm trọng, văn hóa xã hội trì trệ, nạn giặc ngoại xâm cùng lúc đe dọa... Đặt vận mệnh đất nước trong tình cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”.

Nằm chung trong bối cảnh đất nước, trên địa bàn xã Mỹ Thanh, hậu quả của quá trình bóc lột thuộc địa của bọn thực dân hơn nửa thế kỷ và chính sách vơ vét của phát xít Nhật đã làm cho đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp trì trệ, nhiều diện tích đất bị bỏ hoang, hàng hóa khan hiếm. Các tệ nạn xã hội như

nghiện hút, trộm cắp tồn tại phổ biến. Trong khi đó, bộ máy chính quyền cách mạng địa phương mới được thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành.

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên nêu ra các nhiệm vụ cấp bách như tổ chức tổng tuyển, cử tăng gia sản xuất, chống nạn đói, nạn mù chữ, bãi bỏ nhiều thứ thuế vô lý, bài trừ các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ và Hồ Chủ tịch trong phong trào diệt giặc đói, dưới sự lãnh đạo của chính quyền xã Phong Lưu. Nhân dân thôn Duộc, Bản Luông, Khau Ca và Bản Châng lập hũ gạo cứu đói cứ mỗi bữa cơm bớt lại một nắm gạo vào hũ gạo nuôi quân cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, số gạo đó cho vào hũ. Đại diện chính quyền do bà La Thị Bướm (Khau Ca) là cán bộ Nông hội thôn đến các nhà thu gạo với công tác cân đo cẩn thận dưới sự quan sát của chủ hộ nhằm xác định chính xác số gạo để ghi vào sổ, số gạo đóng góp được gánh lên xã nộp đúng thời hạn, góp vào quỹ chung chia cho những gia đình khó khăn. Đồng thời, chính quyền xã kêu gọi nhân dân phục hồi, tăng gia sản xuất, bổ sung và ổn định nguồn lương thực.

Đi đôi với phong trào diệt giặc đói, chính phủ phát động phong trào diệt “giặc dốt” nhằm nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Ngay sau khi phong trào được phát động, chính quyền huyện cử thầy giáo Lâm Văn Báu (người xã Dương Quang) xuống địa phương vận động mở được nhiều lớp bình dân học vụ, trong đó đến cuối năm 1946 địa bàn Mỹ Thanh có 3 lớp ở 3 thôn Bản Châng, Bản

Luông, Khau Ca. Đến tháng 9/1947, đồng chí Triệu Đức Ngự từ Nguyên Phúc xuống địa phương mở lớp học 1 và 2, phục vụ công tác dạy học, bổ túc văn hóa cho các em nhỏ cùng nhiều người dân nơi đây.

Phong trào nhân dân trong các thôn bản thi đua học tập xóa nạn mù chữ được đẩy lên với tinh thần người biết chữ dạy người chưa biết chữ, những dụng cụ như noong, nia cánh cửa được dùng làm bảng, đặc biệt nhiều người dân Bản Luông, Khau Ca và Bản Châng hoàn thành thời lượng học tập từ 2-3 tháng được tham gia kỳ thi cấp bằng do huyện tổ chức.

Trong văn hóa xã hội, công tác xây dựng đời sống mới, cán bộ trong xã đã tích cực vận động, tuyên truyền nhân dân bài trừ các tệ nạn mê tín, hủ tục văn hóa lạc hậu, nhờ đó các tệ nạn xã hội được hạn chế, trộm cướp, nghiện hút cơ bản bị đẩy lùi.

Nhằm chuẩn bị lực lượng cho sự nghiệp kháng chiến, chính quyền chỉ đạo củng cố, đội tự vệ, mặc dù vũ khí còn thiếu thốn, đội tự vệ chỉ được trang bị 1-2 khẩu súng, nhưng các chiến sĩ trong đội luôn sôi nổi, hăng hái tham gia các buổi tập quân sự, tập trận nhằm nâng cao năng lực chiến đấu, sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.

Để củng cố và bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thực hiện sắc lệnh số 14/SL ra ngày 8/9/1945 của Chính phủ về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa đầu tiên. Nhân dân toàn xã nêu cao các khẩu hiệu, biểu ngữ ủng hộ chính phủ Việt Minh.

Ngày 6/1/1946 cùng với nhân dân cả nước, Bản Luông, Khau Ca, Bản Châng phấn khởi đi bầu cử đại biểu

Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại trụ sở Ủy ban xã, bầu ra các đại biểu ưu tú đại diện cho nguyện vọng và mong muốn của nhân dân toàn xã cũng như nhân dân cả nước.

Dưới sự lãnh đạo của chính quyền dân chủ mới, nhân dân trong xã đoàn kết, đồng lòng giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, vượt qua hoàn cảnh gian nan sau cách mạng, nhờ đó nạn đói trước mắt bị đẩy lùi, diện tích đất đai bỏ hoang được tận dụng, sản xuất nông nghiệp cơ bản đã phục hồi. Trình độ văn hóa của nhân dân trong xã được nâng cao, nạn mù chữ cơ bản bị xóa bỏ. Đời sống vật chất và tinh thần dần ổn định, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các thôn Duộc, Khau Ca, Bản Luông, Bản Châng sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp.

2. Kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng quê hương (1947-1954)

Đêm 19 rạng sáng 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhân dân cả nước ta đoàn kết, quyết tâm đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Hưởng ứng Chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Trung ương Đảng và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Bắc Kạn cùng nhân dân cả nước sôi sục ý chiến chiến đấu, lòng căm thù thực dân Pháp, quyết tâm đoàn kết, chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ hòa bình, tự do của dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền xã, lực lượng dân quân các thôn Duộc, Bản Luông, Khau Ca, Bản Châng ra sức ngày đêm tập huấn, rèn luyện kỹ năng quân

sự, sẵn sàng chiến đấu trong trường hợp khẩn cấp, bảo vệ trật tự trị an, ngăn chặn các phần tử phản động, phản cách mạng hoạt động trong hậu phương của ta, đồng thời, nhân dân và lực lượng dân quân các thôn đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, tăng gia sản xuất đảm bảo công tác hậu cần, phục vụ đời sống nhân dân và lực lượng tự vệ.

Bên cạnh đó, Ban Việt Minh xã tích cực phát triển hội viên, trên địa bàn các thôn Duộc, Bản Luông, Khau Ca, Bản Châng đã thành lập được tổ Việt Minh thuộc sự chỉ đạo của Ban Việt Minh xã, do đồng chí Nguyễn Đình Mậu làm tổ trưởng.

Năm 1947, nhằm thực hiện chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh”, thực dân Pháp triển khai kế hoạch tấn công lên Việt Bắc. Sáng sớm ngày 7/10/1947, Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn và một số khu vực xung quanh. Ngay sau khi nhận được tin Pháp đánh lên Bắc Kạn, Chi bộ, chính quyền xã đã họp bàn, đề ra phương án chiến đấu. Địa bàn các thôn Duộc, Bản Luông, Bản Châng, Khau Ca cùng cả xã có vai trò quan trọng trong công tác hậu phương với hệ thống các con đường mòn đi qua các thôn bản dẫn đến nhiều huyện tỉnh khác. Đồng thời, địa bàn xã có các kho vũ khí, kho lương thực Vàng Cháo... cung cấp cho nhân dân và các đơn vị bộ đội du kích.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Chi bộ, cán bộ và nhân dân thôn Duộc, Bản Luông, Khau Ca, Bản Châng xác định nhiệm vụ trước mắt là hướng dẫn sơ tán người già, trẻ em vào rừng sâu, đồng thời tập hợp lực lượng tự vệ du kích sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tài sản kháng chiến và nhân dân các xã huyện xung quanh tản cư qua.

Đến tháng 12/1947, chiến dịch tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp thất bại. Tuy nhiên, để phục vụ cho kế hoạch quân sự chính trị tiếp theo, thực dân Pháp tiếp tục duy trì 5 cứ điểm quân sự trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại thị xã Bắc Kạn, Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bằng Khẩu. Ở những nơi này, chúng ngày đêm cướp bóc, giết hại nhân dân, truy tìm hồng tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta, đồng thời cung cấp vũ khí, tiền bạc nhằm mua chuộc bọn thổ phi để chúng càn quét, lùng bắt cán bộ Việt Minh.

Với vai trò nằm trên tuyến đường trung chuyển của đồng bào và lực lượng vũ trang của ta từ các địa phương quanh thị xã Bắc Kạn lên chiến khu kháng chiến, địa bàn các thôn Bản Luông, Bản Châng, Khau Ca và cả xã thường xuyên là mục tiêu bị địch tiến công càn quét, cướp phá.

Ngày 15/11/1947, trong đợt hành quân của địch qua đường Kéo Kham xuống Châng vào Nà Cà, do bị bất ngờ, công tác di tản chưa kịp triển khai, tại đây địch bắn chết ông La Văn Bách và bắt 2 con gái của ông là La Thị Hón và La Thị Hối, sau đó chúng kéo quân sang Nà Muồng (xã Nguyên Phúc) để về thị xã Bắc Kạn. Trước tình hình đó, Chi bộ tiến hành họp và quán triệt đầy mạnh công tác nắm bắt thông tin chặt chẽ hơn nữa, nhằm chủ động đối phó kịp thời, bảo vệ an toàn tính mạng nhân dân, tài sản của cách mạng.

Ngày 20/2/1948, Đại đội bộ đội địa phương huyện Ba Bể được thành lập. Giữa năm 1948, Đại đội bộ đội địa phương huyện Ba Bể về đóng quân ở Vàng Cháo. Được tin bộ đội về địa phương, nhân dân toàn xã nói chung và

các thôn Duộc, Khau Ca, Bản Luông, Bản Châng nói riêng nồng nhiệt đón tiếp các đồng chí bộ đội, gia đình của ông Đinh Văn Hiệp và Đinh Văn Tuyền được chọn làm nơi bộ đội đóng quân. Hưởng ứng phong trào lạc quyền “Phụ nữ đứng lên ủng hộ Vệ Quốc quân”, bà La Thị Bướm tự bỏ tiền của mình mua 20 cuộn kim chỉ dưới Chợ Mới về cùng các bà Nguyễn Thị Hạt, Lâm Thị Ích, Hà Thị Thơm khâu 20 chiếc áo trấn thủ cho đội du kích.

Ngày 19/9/1948, thực dân Pháp hành quân đi từ thị xã Bắc Kạn hành quân vào xã Phong Lưu theo đường Khuổi Thuôm sang Kéo Sao, tiến vào thôn Khau Ca, rồi vượt dốc Khau Tầm xuống Nà Pjao, lên Tổng Nặng ra Bản Vền (xã Huyền Tung) để về Bắc Kạn. Khoảng 17h khi đi trên đường Khuổi Thuôm, địch bắt được bà Ngoan, ông Chúc, sau đó bắt 2 người phải đi tải đạn cho chúng (bà Hiền, ông Uẩn). Cũng trong thời gian này, đoàn cán bộ huyện Bạch Thông gồm ông Khánh Thượng, bà Hoàng Thị Kỳ, bà Lộc Thị Tuyết đi từ Phja Ngàn xuống Cốc Thị, vượt Sông Cầu vào đến Khuổi Sao thì trời tối. Cả 3 người đốt đuốc lên dốc, đúng lúc này giặc Pháp từ Khuổi Sao đi xuống thấy ánh đuốc sáng của 3 người liền nổ một loạt đạn tiểu liên, bà Kỳ bị viên đạn bắn thủng qua mang tai. Cả 3 người vội vứt đuốc rồi chạy dạt sang hai bên đường ẩn nấp. Đến sáng hôm sau, khi tình hình đã an toàn mới đoàn tiếp tục đi sang Nông Thượng (Phong Lưu).

Đoàn cán bộ đến thôn Khau Ca nhưng lúc này dân đã sơ tán hết. Hôm đó, có nhân dân 2 xã Sỹ Bình, Vũ Muộn đi chợ mới mua hàng, mua muối. Khi đến thôn Khau Ca trời đã tối nên phải nghỉ lại. Nửa đêm khi địch đánh vào

thôn, đoàn người phải tháo chạy. Chị Điền chạy ra Cạm Mạ, gặp quân Pháp từ Buốc Bon lên thì bị chúng bắt chết.

Sáng 20/9/1948, địch từ Khau Ca vượt qua Khau Tầm xuống Nà Pjao (Huyện Tụng) thì lọt vào trận phục kích của bộ đội, 7 tên bị tiêu diệt và bị thương. Sau đó, chúng kéo lên Tổng Nặng ra Bản Vén. Khi đến địa phận Nà Pjao, địch bị ta tập kích bất ngờ, lợi dụng lúc hỗn loạn 4 người bị địch bắt đi tải đạn là bà Ngoan, ông Chúc, Pô Mẻ, Pú Lạng nhanh chóng chạy thoát ra Sông Cầu xuôi xuống Duộc trở về.

Năm 1948, do thời tiết khắc nghiệt cộng thêm tình trạng thiếu sức kéo trong nông nghiệp nên thu hoạch trong vụ mùa kém 20% so với năm 1947, làm cho cuộc sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, nhân dân các thôn bản nêu cao tinh thần đoàn kết, đùm bọc, chia sẻ với nhau từng củ khoai, củ sắn, nhằm trích nguồn lương thực chi viện cho tiền tuyến. Nhiều chị em trong xã phấn khởi tham gia vận chuyển lương thực từ Pác San (Chợ Mới)¹ lên kho Vàng Cháo, hoàn thành nghĩa vụ hậu phương, thắt chặt tình cảm giữa quân và dân.

Thực hiện chủ trương phát triển Đảng, cơ sở Đảng tại các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giác ngộ, nhằm phát hiện và kết nạp những quần chúng ưu tú vào tổ chức Đảng, nâng cao sức lãnh đạo tại các cơ sở, thôn xóm. Tại Vàng Han, trên cơ sở sự tuyên truyền và giác ngộ của đồng chí Nông Văn Lú (người Xuất Hóa) đã giới thiệu và

1. Xã có 10 đồng chí nữ dân công tham gia gánh gạo gồm: La Thị Bướm, bà Thom, bà Thịnh, bà Ích, bà Kiều, bà Quế, bà Rong, bà Nguyễn Thị Hạt, bà Vành, bà Ve.

kết nạp đồng chí Nguyễn Thị Hạt (Bản Luông 1) vào tổ chức Đảng năm 1948, sinh hoạt trong Chi bộ Phong Lưu.

Hàng năm, chính quyền xã tổ chức lực lượng dân quân du kích tiến hành luyện tập từ 1 đến 2 tuần. Để cung cấp lương thực, thực phẩm cho dân quân tập luyện, dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, Hội Phụ nữ do bà La Thị Bướm làm Hội trưởng đã ra sức tuyên truyền, kêu gọi các hộ gia đình, chị em đóng góp nguồn thực phẩm nuôi quân. Với tinh thần quân dân một lòng, tuy cuộc sống còn thiếu thốn, khó khăn nhưng đồng bào vẫn nhiệt tình ủng hộ với hàng chục con gà, vịt cùng một lượng lớn các loại rau quả như bí đỏ, bí xanh, măng vầu... trong đó, gia đình ông Hoàng Văn Hòa góp 1 con trâu; gia đình ông Nguyễn Văn Thành thôn Khau Ca ủng hộ 40 kg thịt lợn cho bộ đội ăn Tết Mậu Tý.

Sau thất bại trên nhiều mặt trận quân sự, thực dân Pháp chủ trương đưa máy bay ném bom phá hủy các tuyến đường huyết mạch trên địa bàn Bắc Kạn, âm mưu ngăn chặn đường xe pháo vận tải vũ khí đạn dược ra mặt trận của quân ta. Địa bàn xã Mỹ Thanh 2 lần bị thực dân đưa máy bay qua bắn phá, trong đó lần thứ nhất chúng bắn phá thôn Bản Luông, quân dân ta kịp thời trú ẩn và đáp trả nên không gây ra hậu quả về người và của. Trong lần đánh phá thứ 2, thực dân Pháp sử dụng bom dù bắn phá ác liệt vào Bản Luông, làm cháy kho đạn súng máy của ta cùng nhiều ngôi nhà của đồng bào.

Đầu năm 1949, thực hiện Chỉ thị của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch Thông về việc phối hợp với bộ đội mở con đường tiểu mạch từ Km

số 12 (Bắc Kạn - Thái Nguyên) ngược lên sông Cầu đến Pá Lải dài trên 7km, rộng 1,2m để vận chuyển vũ khí và lương thực phục vụ chiến dịch tấn công Bắc Kạn, nhân dân thôn Duộc, Khau Ca, Bản Luông, Bản Châng và nhân dân các thôn trong xã phần khởi cùng các chiến sĩ ngày đêm san đường mở lối. Với tinh thần vượt mọi gian khó, sau 10 ngày đêm lao động không mệt mỏi, tuyến đường tiểu mạch được mở, tạo điều kiện thuận lợi để bộ đội ta tiến ra chiến trường đồng thời lương thực được vận chuyển nhanh chóng.

Tháng 7/1949 (tháng 6 Âm lịch), quân Pháp vượt sông Cầu sang Vàng Cháo, tại đây, địch dùng xăng đốt kho gạo của ta, sau đó chúng tiến vào Khau Ca, đốt nhà dân của đồng bào, bắt đi 9 con trâu theo đường Khau Tầm về Bắc Kạn. Nắm bắt tình hình trên, Chi bộ xã họp quán triệt cho cán bộ, dân quân du kích địa phương đẩy mạnh hoạt động thông báo, vận chuyển của cải vào các nơi khác nhằm cất giữ, bảo vệ tài sản vật chất của nhân dân.

Năm 1949, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch giải phóng Bắc Kạn vào Thu Đông 1949, thực hiện chủ trương của Đảng, Chi bộ đảng Minh Lập lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác hậu cần, giữ vững ổn định trong sản xuất, cùng với quân dân trong tỉnh, bộ đội và dân quân du kích các xã mở chiến dịch đường số 3, phục kích và tiêu diệt địch ở nhiều nơi, gây tổn thất nặng nề cho chúng, góp phần buộc thực dân Pháp phải rút quân khỏi huyện Bạch Thông và toàn Bắc Kạn, đưa Bắc Kạn trở thành tỉnh đầu tiên được giải phóng trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông.

Sau khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, nhân dân phần khởi bước vào giai đoạn xây dựng hậu phương. Quán triệt sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đảng viên các thôn Khau Ca, Bản Luông, Bản Châng kêu gọi nhân dân tích cực sản xuất, đảm bảo cung cấp đủ lương thực thực phẩm cho nhân dân đồng thời chi viện cho tiền tuyến. Trong năm 1949, có 3 người đi bộ đội gồm các anh Lâm Văn Báu, anh Hà Văn Lập (Bản Châng) và anh Hoàng Văn Thịnh (tên thường gọi là Hoàng Ngọc Lâm - ở thôn Bản Luông 2 ngày nay) tham gia đội Thanh niên xung phong dân công hỏa tuyến trên các chiến trường.

Năm 1950, thực hiện chủ trương của huyện Bạch Thông nhằm phù hợp với sự quản lý trong tình hình mới, năm 1950, các thôn Khau Ca, bản Duộc, Bản Châng, Bản Luông được sáp nhập vào xã Minh Lập (Huyện Tụng). Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đảng, công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh, đầu năm 1950, đồng chí La Thị Bướm, đồng chí Lâm Thị Ích, đồng chí Hà Thị Thơm được kết nạp Đảng, sinh hoạt trong Chi bộ Minh Lập.

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới, toàn quân, toàn dân ta đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng tổng phản công. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn và sự lãnh đạo của Chi bộ xã, thanh niên trên địa bàn Bản Châng, Khau Ca, Bản Luông như các chị Lâm Thị Phần, Nguyễn Thị Lường... cùng thanh niên các thôn bản trong xã hăng hái tham gia chiến dịch cầu đường 1950, đào hầm hào, lắp hố bom, nhằm sửa chữa đường xá giao thông, đồng thời nguy trang các đoàn xe quân sự, đảm bảo các đoàn vận tải an toàn tiến ra chiến

trường, cung cấp kịp thời, đầy đủ vũ khí đạn dược cho bộ đội ta chiến đấu.

Chiến thắng Biên giới (1950) kết thúc thắng lợi, ta giải phóng và khai thông toàn tuyến biên giới Việt-Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập, khơi thông nguồn chi viện từ hậu phương ra các mặt trận chiến đấu cũng như kết nối các tuyến đường xuống khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu IV. Thắng lợi trong chiến dịch Biên Giới (1950) là nhờ sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết dũng cảm của quân đội ta cũng như những đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc trong vai trò hậu phương kháng chiến, trong đó có những đóng góp không nhỏ của nhân dân các dân tộc trên địa bàn Mỹ Thanh ngày nay.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tại các cơ sở địa phương, cuối tháng 10/1950, chuồng trâu nhà địa chủ La Văn Chương thôn Khau Vàng (Huyện Tụng), Chi bộ Minh Lập đã kết nạp thêm 3 đảng viên tại bản Châng, bản Luông và Khau Ca, hình thành lên tổ Đảng phụ trách 4 bản: Khau Ca, bản Châng, Nà Ca, Duộc.

Sau chiến thắng Biên giới, Chi bộ Minh Lập lãnh đạo nhân dân trong xã thành lập các đội thanh niên xung phong tham gia chiến dịch sửa chữa cầu đường, san lấp các hầm, hố trên các tuyến đường huyết mạch, thanh niên trong xã nhiệt tình hưởng ứng, trong đó có các thanh niên Duộc, Bản Châng như Nguyễn Thị Lường, Lâm Thị Phần... Công tác sửa chữa, khai thông đường xá gặp nhiều khó khăn, sau thất bại trong chiến dịch tấn công Thái Nguyên tháng 10/1950, Pháp sử dụng máy bay thả bom đánh phá nhiều tuyến đường của ta, đặc biệt là tuyến đường từ Thái

Nguyên lên Cao Bằng nhằm cản đường chi viện và vận tải vũ khí, khí tài quân sự của ta ra mặt trận.

Ngoài ra, từ những năm Pháp đóng ở Bắc Kạn, hoạt động phá đường, đào hào, hố, phá cầu của ta diễn ra mạnh mẽ, gây khó khăn trong công tác sửa chữa. Trước những khó khăn, thách thức, với tinh thần vượt mọi gian khổ, không quản ngày đêm, các đội thanh niên xung phong tích cực sửa chữa, khai thông các tuyến đường, đồng thời che chở, ngụy trang các đoàn xe pháo, vận tải của ta ra mặt trận đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

Trong công tác hậu phương, bên cạnh hoạt động đóng góp lương thực, thực phẩm, nhân dân trong xã hưởng ứng các phong trào ủng hộ động viên bộ đội, điển hình từ ngày 25 đến ngày 28 tháng Chạp âm lịch, dưới sự vận động của đồng chí La Thị Bướm - Hội trưởng Phụ nữ xã, các hộ gia đình tích cực góp gạo, đỗ xanh, lá dong, lạt, củi tập trung làm bánh chưng gửi tặng bộ đội. Sáng 28, xã chuyển lên huyện hơn 100 chiếc bánh chưng gửi ra mặt trận, tiếp thêm tinh thần cho bộ đội, du kích đánh giặc.

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, tổ đảng lãnh đạo nhân dân thôn Duộc, Bản Luông, Khau Ca, bản Châng thực hiện chính sách giảm tô, đồng thời sử dụng giống lúa Nam Ninh cho năng suất cao, nhằm nâng cao sản lượng, cải thiện đời sống nhân dân, chi viện lương thực cho tiền tuyến. Đặc biệt, trong năm 1953, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Minh Lập và tổ Đảng Kim Đồng, các thôn trong xã thực hiện chủ trương xây dựng tổ đổi công đầu tiên trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, tại địa bàn Mỹ Thanh ngày nay có các tổ

đổi công Bản Luông với 19 hộ, tổ Khau Ca 10 hộ và Bản Châng 10 hộ.

Sau nhiều năm thực hiện mô hình xã lớn, gặp khó khăn trong công tác quản lý, năm 1953, tỉnh chỉ đạo chia tách nhiều xã lớn thành các xã nhỏ. Tháng 8/1953, xã Kim Đồng được thành lập với 3 thôn Khau Ca, Bản Luông, Bản Châng (Được nhập vào Khau Ca). Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện chỉ đạo nhanh chóng kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền xã. Chi bộ xã Kim Đồng thành lập với 8 đảng viên: Hoàng Đình Kinh, Nguyễn Văn Bào (Bản Luông), La Thị Bướm (Khau Ca), Nguyễn Văn Quý (Bản Luông), Nông Văn Bộ (Khau Ca), Nông Văn Lú (Bản Luông), Hà Thị Thơm (Bản Châng), Lâm Đức Độ, đồng chí Nông Văn Lú được chỉ định làm Bí thư Chi bộ. Về chính quyền, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Kim Đồng thành lập do ông Đinh Văn Hiệp¹ làm Chủ tịch.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác chính quyền, quản lý và phát triển sản xuất, nhưng với tinh thần không ngại gian khó, Chi bộ Kim Đồng lãnh đạo nhân dân toàn xã cùng nhau vượt qua khó khăn, phục hồi kinh tế nông nghiệp, chi viện cho tiền tuyến đánh giặc.

Nhằm đảm bảo hậu phương an toàn, chính quyền và nhân dân xã Kim Đồng giữ gìn an ninh, phòng trừ việť gian, gián điệp, đồng thời thực hiện nghĩa vụ công dân, nộp thuế nông nghiệp đầy đủ và đúng thời hạn, nhiều

1. Năm 1957, đồng chí Đinh Văn Hiệp lên Hà Giang, đồng chí Hoàng Đình Kinh làm Chủ tịch.

đồng bào dân tộc trong xã tham gia dân công trong các chiến dịch Hòa Bình, Điện Biên Phủ vận chuyển quân nhu ra chiến trường cho bộ đội đánh giặc.

Với tinh thần yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm, quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược, ngày 7/5/1954, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bắt sống tướng Đờ cát-tơ-ri cùng toàn bộ quân địch. Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân Kim Đồng cùng nhau đoàn kết, tận dụng mọi điều kiện để vượt qua gian khó, phục hồi và ổn định sản xuất, góp phần xóa đói, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân cũng như chi viện cho tiền tuyến. Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, cán bộ đảng viên trong xã đã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác hậu phương kháng chiến, tham gia các chiến dịch khôi phục giao thông, vận tải lương góp phần làm nên những chiến công vang dội, tiêu biểu trong đó là chiến thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đánh bại thực dân Pháp, buộc chúng phải đầu hàng, ngồi vào bàn đàm phán, ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh.

Tổng kết 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân Kim Đồng đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ của mình, góp phần đưa quê hương vượt qua khó khăn, thách thức, đồng thời đóng góp sức người sức của vào cuộc chiến chung của cả dân tộc. Năm 1954, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực

dân Pháp, Chi bộ và nhân dân Kim Đồng bước vào một thời kỳ cách mạng mới. Với tinh thần đoàn kết một lòng, kiên trung với lý tưởng cách mạng, đảng viên và nhân dân Kim Đồng sẵn sàng vượt qua khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ trong công tác đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng đời sống đồng bào các dân tộc, cùng nhân dân cả nước bước vào thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Chương III

THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

**I. CHI BỘ VÀ NHÂN DÂN KIM ĐỒNG CÙNG
NHÂN DÂN MIỀN BẮC THỰC HIỆN XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965).**

**1. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến
tranh (1954-1957).**

Sau thất bại tại Điện Biên Phủ (1954), thực dân Pháp buộc phải ngồi vào bàn đàm phán, ký Hiệp định Giơ-ne- vơ về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Miền Bắc được giải phóng tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời dưới sự chiếm đóng của Mỹ, nguy.

Trước tình hình đó, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: củng cố, rèn luyện tổ chức đảng, đoàn kết nhân dân cùng nhau đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến nhằm củng cố hòa bình, đẩy mạnh cải cách ruộng đất nhằm khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam nhằm củng cố hòa bình, thống nhất đất nước.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, nhân dân Kim Đồng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do hậu quả chiến tranh để lại. Nền kinh tế lạc hậu, sản xuất gặp nhiều khó khăn do điều kiện thời tiết thất thường và trình độ canh tác lạc hậu, đời sống của nhân dân còn nhiều vất vả, một số cơ sở hạ tầng như đường xá bị hư hại, gây khó khăn trong sản xuất. Chi bộ, chính quyền xã mới thành lập, đội ngũ cán bộ còn thiếu kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

Năm 1955, Chi bộ xã Kim Đồng tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1955-1957. Trên cơ sở phân tích thuận lợi và khó khăn trong phong trào địa phương, Chi bộ đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn mới là: xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh. Khôi phục và cải thiện sản xuất nông nghiệp, tận dụng những diện tích đất đai còn hoang hóa nhằm tăng thêm diện tích canh tác, kiên quyết không để tình trạng thiếu đói xảy ra. Ổn định tư tưởng nhân dân, động viên mọi người đoàn kết, tương trợ, cùng nhau vượt qua khó khăn, xây dựng cuộc sống mới. Tiến hành củng cố ruộng đất, giành toàn quyền sở hữu cho nông dân. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Quý - Bí thư Chi bộ, đồng chí Đinh Văn Hiệp - Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính).

Sau đại hội, Chi bộ xã Kim Đồng lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, đẩy mạnh khôi phục sản xuất. Nhân dân trong xã tích cực, khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích đất canh tác. Phát huy tinh thần đoàn kết của nhân dân ta, đồng bào các dân tộc chia sẻ công cụ lao động, trâu bò làm sức kéo, giúp đỡ nhau trong hoạt động sản xuất và xây dựng nhà cửa.

Trong công tác văn hóa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, năm 1954, Chính quyền xã Kim Đồng chỉ đạo tái lập lớp 1 và lớp 2 học ghép do ông Đinh Văn Khoe (xã Cao Kỳ) về dạy, đông đảo nhân dân trong xã không quản khó khăn, ngày đi làm đêm đi học, đều đặn tham gia học chữ. Đồng thời, thực hiện chủ trương của Chi bộ xã, chính quyền xã cùng các đoàn thể vận động nhân dân bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ đồng bào các dân tộc, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Trong công tác y tế, năm 1956, nhằm tăng cường công tác y tế, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, xã cử 2 đồng chí Hoàng Văn Thang và Hoàng Thị Kỳ đi học lớp y tá do tỉnh tổ chức trong 3 tháng nhằm trau dồi kiến thức, trình độ chuyên môn về y học, phục vụ công tác y tế xã nhà.

Tháng 3/1955, tại kỳ họp đầu tiên sau khi hòa bình lập lại, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhất trí thông qua chính sách cải cách ruộng đất của Đảng. Với khẩu hiệu “Tất cả ruộng đất về tay nông dân”, từ cuối năm 1955, cải cách ruộng đất được triển khai đồng loạt trên toàn miền Bắc.

Trước đó, từ cuối năm 1954, đội phát động giảm tô tỉnh Bắc Kạn đã làm thí điểm tại một số xã huyện Bạch Thông nhằm bắt rẽ với nhân dân, tổ chức các lớp học tập chính sách giảm tô cho cán bộ, đảng viên, đồng thời phát động tư tưởng quần chúng căm thù đế quốc, phong kiến, địa chủ cường hào áp bức bóc lột nhân dân. Tại xã Kim

Đồng, qua đợt phát động giảm tô cuối năm 1955 đã phân loại có 3 phú nông là Đình Quang Hiệp bị thoái tô, Hoàng Đình Kinh (đảng viên) và ông La Văn Lý (cán bộ xã) cả hai đều bị đình chỉ công tác.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, công tác giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc nói chung phạm phải một số sai lầm. Qua đợt giảm tô, và cải cách ruộng đất, nằm trong bối cảnh. Từ thực tiễn đó, tháng 10/1956, Trung ương Đảng ban hành nghị quyết đến các cấp bộ Đảng sửa sai trong cải cách ruộng đất. Tại xã Kim Đồng, hai đồng chí Hoàng Đình Kinh, La Văn Lý được phục hồi danh dự.

Cùng với công tác giảm tô, Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân bài trừ hủ tục văn hóa, mê tín dị đoan, trên cơ sở đó, cụ Tảo Hòa cùng 3 thầy pụt (pụt Lộc, pụt Vụ, pụt Tơ) từ bỏ nghề thầy cúng, phối hợp với chính quyền tuyên truyền nhân dân xây dựng cuộc sống văn minh. Đồng thời, vận động đồng bào giảm bớt các thủ tục trong cưới xin, việc tang ma, cưới hỏi, tránh lãng phí, hao tổn tiền của.

Trải qua 3 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957) Chi bộ và nhân dân Kim Đồng đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đảng viên xã trưởng thành, bản lĩnh, kiên trung với sự nghiệp cách mạng, các cấp chính quyền nâng cao trình độ về mặt kinh nghiệm và thực tiễn trong lãnh đạo nhân dân xây dựng kinh tế, ổn định đời sống văn hóa xã hội. Nhờ đó, từ năm 1954-1957, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, sản xuất được khôi phục, trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao, các tệ nạn xã hội được đẩy lùi, tạo tiền đề quan trọng để Chi

bộ và nhân dân xã bước vào giai đoạn mới, xây dựng quê hương, đất nước.

2. Thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất tiến lên chủ nghĩa xã hội (1957-1960)

Sau 3 năm phục hồi và phát triển kinh tế (1954-1957), hoạt động sản xuất được khôi phục, đời sống nhân dân cải thiện, tuy nhiên kinh tế miền Bắc vẫn gặp nhiều khó khăn, nông nghiệp lạc hậu, hoạt động sản xuất nhỏ lẻ, chủ yếu là tự cung tự cấp. Nhằm thay đổi bộ mặt nền kinh tế, nâng cao hiệu quả đời sống nhân dân, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 khóa II đề ra kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa với kinh tế cá thể và tư bản tư doanh.

Từ năm 1957 đến năm 1960, Chi bộ Kim Đồng tổ chức 2 kỳ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1957-1959 và 1959-1961 với nhiệm vụ tiếp tục vận động nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, giải quyết khó khăn về đất canh tác; tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; tiến tới ổn định sản xuất và đời sống. Trong cả 2 nhiệm kỳ, đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Đình Kinh làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban Hành chính).

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Chi bộ và Nghị quyết của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 14 khóa II và Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 16 với tinh thần “Hợp tác hóa nông nghiệp là cái khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, đồng thời góp phần quan trọng đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc”. Chi bộ Đảng và chính

quyền xã Kim Đồng thông qua hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phát động tư tưởng trong quần chúng nhân dân nhằm xây dựng các hợp tác xã.

Dưới sự vận động, hướng dẫn của Chi bộ Đảng, nhân dân xã Kim Đồng mạnh dạn đưa các nông cụ lao động cùng trâu bò của mình vào các hợp tác, tiến tới tập thể hóa trong sản xuất, tuy gặp một số khó khăn nhất định trong quá trình xây dựng hợp tác, nhưng với tinh thần tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, nhân dân ra sức thi đua, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mà Chi bộ đề ra.

Năm 1958, địa bàn xã Kim Đồng tiếp nhận 10 hộ người Dao xuống làm ăn sinh sống, trên cơ sở đó, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền xã thành lập thôn Phiêng Kham nhằm tạo điều kiện giúp nhân dân định cư sinh sống, sang năm 1959, có thêm 2 hộ người Dao xuống sinh sống, thôn Phiêng Kham có tổng 12 hộ người Dao.

Năm 1960, trên cơ sở học tập kinh nghiệm xây dựng các hợp tác xã trong huyện, Chi bộ Kim Đồng quyết định thành lập 3 hợp tác xã: Hợp tác xã Bản Luông có 20 hộ do đồng chí Nguyễn Văn Quý làm Chủ nhiệm, đồng chí Hoàng Đình Kinh làm Phó chủ nhiệm; Hợp tác xã Khau Ca có 25 hộ do đồng chí Đình Quang Khánh làm Chủ nhiệm, đồng chí Hoàng Văn Mùi là kế toán và hợp tác xã Bản Chàng với 10 hộ do đồng chí Hà Văn Lập làm Chủ nhiệm, đồng chí Nông Văn Trung làm kế toán.

Ngay sau khi thành lập, các hợp tác xã nhanh chóng đi vào hoạt động, với tinh thần hăng hái trong lao động, tích cực giúp đỡ nhau trong sản xuất để cải thiện đời sống.

Mặc dù vậy, sản xuất gặp nhiều khó khăn, nông nghiệp bị thiếu nước tưới tiêu do chưa có mương dẫn nước, một số cánh đồng dùng cọn đưa nước, trong khi hầu hết các cánh đồng phải chờ mưa, bởi vậy năng suất cây trồng, chưa đến 1 tạ/bung, bà con xã viên nhiều tháng phải ăn ngô. Công điểm trung bình chỉ đạt 4-5 lạng/công.

Cùng với hoạt động sản xuất kinh tế, Chi bộ Kim Đồng chú trọng lãnh đạo hoạt động văn hóa xã hội, bên cạnh việc duy trì các lớp bình dân học vụ, năm 1958, chính quyền xã Kim Đồng xây dựng trường học đầu tiên ở Bản Luông với 2 lớp là lớp 1 và lớp 2 học ghép nhằm phục vụ nhu cầu học chữ và các môn văn hóa mới của con em địa phương. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới diễn ra mạnh mẽ, tuy nhiên do đồng bào còn quen với tập quán cũ nên việc thực hiện nếp sống mới chưa mang lại hiệu quả, mặc dù vậy, hoạt động này đã góp phần giúp nhân dân nhận thức được hạn chế và tránh một số tệ nạn xã hội, đồng thời các hoạt động văn hóa, văn nghệ tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước được tổ chức góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi đời sống văn hóa của nhân dân.

Năm 1960, qua hoạt động tham gia thực hiện đợt tập huấn giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự do Huyện đội tổ chức, lực lượng dân quân xã Kim Đồng nâng cao về mặt nhận thức, kinh nghiệm, góp phần ổn định an ninh quốc phòng trong khu vực.

Thực hiện chỉ đạo của Chi bộ, các ban ngành đoàn thể bám sát tình hình trong các thôn bản, đề ra các hoạt động phù hợp nhằm đoàn kết, giúp đỡ nhân dân trong

hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt, góp phần tuyên truyền, nâng cao niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Từ năm 1958, Chi bộ Kim Đồng thực hiện công tác chỉnh huấn đối với toàn thể cán bộ, đảng viên trong xã, đến năm 1959 công tác xây dựng Đảng và chính quyền có bước phát triển mới. Ý thức chính trị, trách nhiệm và trình độ của cán bộ, đảng viên được nâng cao đảm bảo năng lực công tác của Chi bộ và chính quyền xã đối với các nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ mới. Qua thực tiễn phong trào, nhiều quần chúng ưu tú được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng, đến năm 1959, toàn Chi bộ Đảng có 13 đảng viên.

Qua 3 năm thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, Chi bộ và nhân dân xã Kim Đồng đạt được nhiều kết quả bước đầu, các hợp tác xã đã xây dựng thành công và đi vào hoạt động, đời sống văn hóa được nâng cao với các phong trào thi đua trong giáo dục, văn hóa văn nghệ, các tệ nạn xã hội từng bước bị đẩy lùi. Tuy còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, nhưng với tinh thần vì Đảng vì nước và nhân dân, đội ngũ đảng viên, cán bộ xã quyết tâm nâng cao trình độ, xây dựng quê hương, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước.

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Tháng 9/1960 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tổ chức tại Hà Nội, Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cả hai miền, trong đó miền Bắc thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất cả nước. Đặc biệt, Đảng đưa ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) phát triển

toàn diện nền kinh tế quốc dân nhằm nhanh chóng đưa đất nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trên tinh thần thắng lợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, từ năm 1961 đến năm 1964 Chi bộ Kim Đồng tổ chức các kỳ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1961-1963 và 1963-1965 nhằm quán triệt chủ trương của Đảng nhằm thực hiện tốt kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất ở địa phương, đề ra nghị quyết lãnh đạo và kiện toàn cấp ủy. Sau đại hội, thực hiện Chỉ thị và Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, đồng thời căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân trong xã hăng hái thi đua thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Trong cả 2 kỳ Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Quý tiếp tục được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Văn Độ làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban Hành chính).

Bước vào sản xuất, thực hiện chủ trương, kế hoạch đã đề ra, Chi bộ Kim Đồng lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào tham gia hợp tác xã, cải tiến công cụ lao động cùng các hình thức canh tác mới. Trong đó, tháng 3/1961, Hội nghị Khoa học huyện Bạch Thông được tổ chức do hợp tác xã Bản Luông đăng cai đã đưa các cách thức mới vào trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả lao động như cấy thưa, “1 hóc 1 hạt”, xử lý giống bằng phương thức “2 sôi ba lạnh” hoặc sử dụng “cài 51” trong nông nghiệp... Các hình thức mới được hội nghị hoan nghênh và chủ trương phổ biến đến nhiều địa phương khác trong huyện. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ phong trào hợp tác hóa tiếp tục được đẩy mạnh, những năm 1962-1963, Chi bộ chỉ

đạo sáp nhập các hợp tác xã nhằm nâng cao sự đoàn kết, giúp đỡ và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đến năm 1963, toàn xã có 2 hợp tác xã là hợp tác xã Bản Châng gồm Bản Châng và Nà Cà do ông Lâm Văn Khang làm Chủ nhiệm, ông Đặng Tấn Hòa làm kế toán và hợp tác xã Đồng Phúc gồm Phiêng Kham, Bản Luông, Khau Ca với tổng diện tích 35,6ha do ông Hoàng Văn Ngô làm Chủ nhiệm, ông Hoàng Văn Mùi là Kế toán.

Trong những năm đầu thập niên 60, xã Kim Đồng tiếp tục tiếp nhận nhiều hộ dân di cư từ nhiều nơi đến định cư sinh sống, xây dựng kinh tế. Năm 1962, một số hộ dân từ Cao Sơn xuống địa bàn xã sinh sống được chính quyền tiếp nhận, trên cơ sở đó, xã thành lập thôn Nà Cà và tạo điều kiện cho đồng bào định cư, sản xuất.

Thực hiện chính sách phân bổ lại dân cư và lao động trong cả nước, năm 1963, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái và Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Kim Đồng thành lập đoàn tiếp đón 24 hộ đồng bào miền xuôi từ Xuân Trường (Nam Định) lên khai hoang tại thôn Bản Luông. Thể hiện tình cảm giao lưu, đoàn kết, đoàn tặng Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Nam Định một con trâu thả vào vườn thú thành phố. Tỉnh tặng hợp tác xã Bản Luông mỗi hộ 1 cặp chiếu đậu xuất khẩu và hơn 1kg cước đan lưới.

Đoàn kinh tế mới do đồng chí Ngô Văn Nhâm làm trưởng đoàn có 24 hộ, tuy nhiên sau đó, 2 hộ trở về xuôi. 8 hộ định cư tại thôn Cây Thị, lập nên Tổ sản xuất Cây Thị, 14 hộ còn lại định cư tại Bản Luông và sáp nhập và hợp tác xã Bản Luông. Trong 22 hộ, có 4 người là đảng viên gồm Ngô Văn Nhâm, Ngô Văn Hiên, Trịnh Bá Nhiễu,

Trần Quốc Bảo, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, công tác tiếp nhận và phân công sinh hoạt đảng cho các đồng chí diễn ra nhanh chóng, chính quyền và cùng nhân dân các thôn giúp đỡ đồng bào nhanh chóng hòa nhập trong sản xuất và đời sống, nâng cao tinh thần đoàn kết nhân dân.

Đầu thập niên 60, tình trạng các thôn bản xã Kim Đồng có ruộng nhưng không thể sản xuất được vì thiếu nước diễn ra phổ biến ngày càng nghiêm trọng, chủ yếu là do chưa có hệ thống mương dẫn nước tới các cánh đồng. Trước thực trạng đó, được sự hỗ trợ của Ủy ban hành chính huyện do đồng chí Nguyễn Đình Mậu là Chủ tịch, chính quyền và nhân dân chung tay góp sức đào con mương từ Thửa Tèo về Đồng Phúc, giải quyết một phần vấn đề nước tưới cho bốn cánh đồng trong xã. Tuy nhiên nhiều nơi, tình trạng ruộng khô, thiếu nước vẫn tồn tại, do đó từ năm 1962 đến năm 1964, sản lượng lương thực giảm 17,36%. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 320kg/người/năm (1962) giảm còn 264,4kg/người/năm (1964). Sản lượng lương thực giảm sút do vậy đóng góp nghĩa vụ với nhà nước giảm từ 13,2 tấn (1962) xuống 9,9 tấn (1964).

Trong lâm nghiệp, do địa bàn quản lý rộng, một bộ phận người dân vẫn duy trì tập tục du canh du cư đốt rừng làm nương trồng lúa, sắn, do đó tình trạng chặt phá rừng của địa phương vẫn diễn ra phổ biến. Chi bộ đã chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân nhằm ngăn chặn nạn đốt rừng làm nương rẫy. Tuy nhiên, công tác ngăn chặn việc chặt phá rừng gặp nhiều khó khăn.

Đặc biệt, từ năm 1963, vấn đề nước sinh hoạt và sử dụng nước sinh hoạt của xã được giải quyết, trên cơ sở phương pháp làm giếng lấy nước của đồng bào lên khai hoang, Chi bộ, chính quyền xã Kim Đồng phát động phong trào đào giếng lấy nước, góp phần giải quyết vấn đề sử dụng nước trong đời sống nhân dân, hạn chế tối đa việc phải di chuyển đường dài lấy nước từ sông suối về sử dụng.

Để tạo điều kiện cho việc đi lại của nhân dân, năm 1962 xã Kim Đồng mở đường dân sinh Ngàn Năm thay cho đường Chèo Đốc tại đèo Khau Tằm và làm mới cầu treo bắc qua 2 thôn Phiêng Kham - Bản Luông giúp đồng bào đi lại dễ dàng, lưu thông hàng hóa và vận chuyển cơ sở vật chất phục vụ sản xuất.

Trong lĩnh vực văn hóa xã hội, công tác giáo dục được chú trọng, trước năm 1963, Kim Đồng có phân trường cấp 1 với 2 lớp học là lớp 1 và lớp 2 thuộc trường tiểu học Minh Lập, học sinh Kim Đồng từ lớp 3 phải ra Minh Lập học. Năm 1963, thực hiện Quyết định số 488-QĐ/TC của Phòng tổ chức cán bộ, Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc Kạn, trường cấp I Kim Đồng được thành lập trên cơ sở 2 lớp học cũ, đồng thời xây dựng thêm 2 lớp học mới là lớp 3 và lớp 4 do thầy Thang Văn Cháp làm Hiệu trưởng, đáp ứng nhu cầu học tập cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho con em tại địa phương có thể đến trường.

Quán triệt chủ trương của các cấp ủy Đảng, trong công tác an ninh, Ban Công an xã tích cực hoạt động, phát hiện, xử lý các hành vi trộm cắp trên địa bàn xã, hạn chế tệ nạn xã hội gây thiệt hại kinh tế nhân dân. Thực hiện

Nghị quyết của Chi ủy Đảng, Ban Công an xã phổ biến cho lực lượng công an viên nâng cao ý thức cảnh giác, thường xuyên canh gác, tuần tra, nhằm phát hiện và ngăn chặn hoạt động của các phần tử phản động, biệt kích, hoạt động trên địa bàn xã, đảm bảo an ninh xã hội trên địa bàn. Nhằm đảm bảo công tác quản lý và lãnh đạo diễn ra hiệu quả, trong công tác đảng, Chi bộ phát động sâu rộng cuộc vận động xây dựng Chi bộ Đảng “Bốn tốt”, nâng cao nhận thức, tính gương mẫu, và ý thức trách nhiệm trong từng đảng viên góp phần phát huy nhân tố chủ chốt, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trong phong trào cách mạng địa phương của. Công tác phát triển Đảng có nhiều thuận lợi, một số quần chúng, thanh niên qua thực tiễn phong trào thi đua đã được kết nạp vào Đảng, bên cạnh đó, Chi bộ được bổ sung thêm một số đảng viên tham gia xây dựng kinh tế mới. Tính đến năm 1965, toàn Chi bộ có 25 đảng viên, tăng 12 đảng viên so với năm 1959.

Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân, vận động nhân dân thực hiện các nếp sống lành mạnh, xây dựng đời sống văn hóa tốt. Trong đó, từ năm 1962, trên cơ sở sự vận động của Mặt trận, các cụ già, thanh niên và xã viên trong xã tiến hành hoạt động trồng cây gây rừng, sau tết mỗi người trồng 2 gốc tre bên bờ sông, tạo nên đồi tre của thanh niên, đồi cây của hợp tác xã. Các ban ngành đoàn thể khác kiện toàn tổ chức, nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực thực hiện của từng cán bộ trong các hoạt động của địa phương, đồng thời đi sâu, bám sát tình hình thực tiễn, góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước,

nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh quá trình xây dựng và phát triển đất nước trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện Quyết định 150-NV ngày 12/5/1964 của Bộ Nội Vụ về sửa đổi tên của một số xã của tỉnh Bắc Kạn, xã Kim Đồng đổi tên thành xã Mỹ Thanh.

Trong lúc Chi bộ và nhân dân cùng toàn Đảng và nhân dân miền Bắc ra sức thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Trước tình hình mới, Trung ương Đảng ban hành chủ trương chuyển mọi hoạt động của nhân dân từ thời bình sang thời chiến. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Chi bộ xã Mỹ Thanh lãnh đạo cán bộ, đảng viên nhanh chóng chuyển sang hoạt động thời chiến vừa chiến đấu, vừa sản xuất chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

II. VỪA SẢN XUẤT, VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TÍCH CỰC CHI VIỆN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện cho tiền tuyến miền Nam (1965-1968)

Ngày 5/8/1964, lấy cớ bị tấn công trên biển Đông, Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ đưa không quân và hải quân ra miền Bắc, mở các hoạt động chiến tranh phá hoại của chúng. Trước tình hình chiến sự ngày càng leo thang, tháng 3/1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (khóa III) chỉ rõ: nhiệm vụ cấp bách của cách

mạng miền Bắc là kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, tăng cường quốc phòng, tích cực chi viện cho miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và chỉ đạo của các cấp ủy, Chi bộ Mỹ Thanh triển khai các đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt học tập Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương, qua đó khẳng định quyết tâm đoàn kết cùng nhân dân ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Năm 1965, Chi bộ Mỹ Thanh tổ chức kỳ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1965-1967. Đại hội đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất và đề ra kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 11, trong đó trọng tâm là nhanh chóng chuyển đổi hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội từ thời bình sang thời chiến; củng cố lực lượng dân quân; hướng dẫn nhân dân sơ tán kịp thời khi có lệnh. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Quý làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Văn Độ làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban Hành chính).

Năm 1967, Chi bộ tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1967-1969, Đại hội nhấn mạnh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đã đề ra từ đại hội 1965-1967, ngoài ra, Chi bộ tăng cường xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể vững mạnh, đồng thời đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đồng chí Nguyễn Văn Quý tiếp tục được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Bàn Tiến Hiền làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban Hành chính).

Nhằm thực hiện kế hoạch đánh phá miền Bắc, Mỹ cho không quân bắn phá các mục tiêu trọng điểm như thành phố lớn, nhà máy, xí nghiệp, kho tàng và hệ thống đường giao thông của ta.

Tại Bắc Thái¹, từ tháng 9/1965, đế quốc Mỹ sử dụng máy bay ném bom liên tiếp nhiều nơi trong huyện Bạch Thông, trọng tâm là Đường số 3 và những nơi ta đặt kho tàng, trong lần ném bom đánh phá kho vũ khí quân sự A3 đặt tại xã Xuất Hóa, máy bay địch thả bom trúng khu vực Phja Ngàn thuộc địa phận thôn Cây Thị xã Mỹ Thanh tuy nhiên không gây nên thiệt hại nào.

Trước tình hình đó, Chi bộ Mỹ Thanh lãnh đạo nhân dân tập trung thực hiện công tác phòng không, tránh thiệt hại tối đa về người và của. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, chính quyền, nhân dân Mỹ Thanh chủ động nâng cao cảnh giác, thực hiện tốt việc đào hầm, hào trú ẩn, tránh đốt lửa, đốt đèn ban đêm gây khói thu hút sự chú ý của địch, không tụ tập người... Lực lượng dân quân tự vệ trong từng thôn bản tích cực luân phiên canh gác ngày đêm, sẵn sàng sơ tán, đặc biệt với trẻ em và người già. Nhờ chuẩn bị đầy đủ, trong những năm máy bay Mỹ đánh phá, trên địa bàn xã Mỹ Thanh không có thiệt hại lớn về người và của.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Bạch Thông vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Chi bộ xã tiếp tục tích cực chỉ đạo, chính quyền và nhân dân làm tốt công tác quản lý hợp hợp tác xã, tăng gia sản xuất, đảm bảo cung cấp

1. Thực hiện Quyết định số 103-NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Thường vụ Quốc hội, tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

lượng thực cho nhân dân trong xã và chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Công cụ sản xuất tiếp tục được cải tiến, hợp tác xã vận động, hỗ trợ xã viên bỏ bừa đơn, đóng bừa đôi, đưa guồng tuốt vào sử dụng thay cho chân, thời kỳ này xã bắt đầu đưa giống lúa Nam Ninh vào sản xuất, chuyển một vụ thành hai vụ, lúa Nông nghiệp làm tăng sản lượng từ 10 gánh lên 20 gánh... nhờ đó, sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 302,6 kg/người năm 1966 và 309 kg/người vào năm 1968. Đóng góp nghĩa vụ cho nhà nước được 14 tấn năm 1966 và 16 tấn năm 1968.

Đền trước năm 1967, đường giao thông đến Mỹ Thanh rất khó khăn, từ bên ngoài vào xã chỉ có 3 con đường. Trong đó, đường đi từ Khuổi Nhào sang xã Nguyên Phúc, đường Khuổi Sao sang xã Xuất Hóa, rất ít người đi lại, chỉ có con đường Khuổi Pái đi xã Côn Minh (Na Rì) là đường huyết mạch chính của xã và các xã thuộc huyện Na Rì. Trước tình hình đó, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Bạch Thông do đồng chí Nguyễn Đình Mậu làm Chủ tịch đã nghiên cứu về việc xây dựng công trình đắp đập trung thủy nông tại xã Mỹ Thanh nhằm thông suốt đường giao thông. Năm 1967, Chính quyền huyện Bạch Thông lập Ban Chỉ huy công trường do đồng chí Hà Văn Nghiên làm Trưởng Ban chỉ huy, đồng chí Hoàng Văn Ngô làm Phó Ban chỉ huy lãnh đạo Chi bộ và chính quyền, nhân dân xã Mỹ Thanh triển khai xây dựng công trình đập trung thủy nông Sông Châng.

Thời kỳ đầu, việc xây dựng đập Vàng Han gặp nhiều khó khăn do thiếu kinh phí và nguyên liệu vật liệu, do điều kiện thực tế tự nhiên, ống xi - phông sử dụng cho lắp

đặt cần độ rộng 45cm, tuy nhiên ở nước ta lúc đó chỉ có ống 20cm tại Hà Nội, các loại ống có kích thước lớn cần nhập khẩu từ Đức với chi phí rất cao. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Đình Mậu - Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Bạch Thông quyết định huy động nhân lực, đúc ống xi - phong bằng gang chuyển về Mỹ Thanh.

Hoàn thành đúc ống xi - phong, tháng 12/1969, trên cơ sở thanh niên hai hợp tác xã Đồng Phúc và hợp tác xã Bản Châng, xã lập đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước do ông Hoàng Văn Vượng làm đội trưởng, ông Lý Văn Tiến làm đội phó nhằm tham gia góp sức xây dựng công trình đập ngăn nước. Tuy nhiên, số lượng xi măng phục vụ xây dựng của xã có hạn, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Dưới sự huy động của đồng chí Nguyễn Đình Mậu, công chức, viên chức huyện Bạch Thông tham gia đóng góp mỗi người 4 bao xi măng, qua đó ủng hộ 50 tấn xi măng, trong đó 30 tấn được vận chuyển bằng đường thủy, 20 tấn được vận chuyển bằng đường bộ về xã, giải quyết vấn đề thiếu xi măng xây dựng cho địa phương.

Đến năm 1973, công trình đập trung thủy nông bằng ống xi - phong xuyên qua lòng sông Cầu với chiều dài 3km hoàn thành, đồng thời cung cấp nguồn nước cho 3 cánh đồng trên toàn xã, tăng thêm một vụ lúa trong một năm.

Từ năm 1965, giống lợn lai kinh tế cho năng suất cao được địa phương đưa vào chăn nuôi, chuồng trại được tu sửa, đảm bảo vệ sinh, hạn chế bệnh và dịch bệnh cho đàn gia súc. Nhờ đó, hoạt động chăn nuôi có bước phát triển mạnh, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong kinh tế nông nghiệp địa phương.

Năm 1967, Chi bộ lãnh đạo thành lập hợp tác xã mua bán đặt tại thôn Bản Luông 1 và hợp tác xã tín dụng đặt tại thôn Khau Ca, nhằm tạo tiền đề cho sự hình thành kinh tế hàng hóa, phối hợp mẫu dịch, tiến tới tạo thị trường trên các xã miền ngược, thúc đẩy phát triển nông nghiệp và công thương nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân.

Trong hoạt động văn hóa, từ năm 1965, vấn đề giữ gìn vệ sinh được tuyên truyền sâu rộng trong xã, chuồng trại được xây dựng, đàn gia súc không được thả rông, đảm bảo vệ sinh cảnh quan thôn bản, phòng tránh một số bệnh. Các tập tục phân biệt nam nữ, trọng nam khinh nữ, nam ngồi mâm riêng, nữ ngồi mâm riêng dần được xóa bỏ, tinh thần bình đẳng nam nữ được đề cao.

Hoạt động giáo dục được chăm lo, do chưa có cầu treo bắc qua sông Cầu, học sinh thôn Phiêng Kham mỗi khi đi học gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong mùa nước sông lên, nhằm giải quyết vấn đề này, trong năm học 1967-1968 dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, phân trường cấp 1 được xây dựng với 2 lớp học ở Vàng Hai do cô Mụi (người Hòa Mục) giảng dạy, giúp học sinh Phiêng Kham không còn cảnh lội sông đi học. Bên cạnh đó, nhà trường cũng kết hợp với lực lượng dân quân, tổ chức các buổi diễn tập sơ tán ngay khi có máy bay Mỹ xuất hiện, đảm bảo an toàn tính mạng cho cán bộ giáo viên và học sinh.

Đặc biệt trong 2 năm 1967-1968, địa bàn xã Mỹ Thanh tiếp nhận trường Trung cấp Bưu điện của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào sơ tán về khu Phiêng Ỏi, Bản Luông, gọi là phân trường 84. Chi bộ, chính quyền và nhân dân Mỹ Thanh phấn khởi đón tiếp, tạo

điều kiện bảo vệ, giúp đỡ cơ sở vật chất, tổ chức giao lưu hữu nghị giữa nhân dân và học sinh 2 nước, qua đó đảm bảo công tác học tập trong 2 năm tại địa phương, đồng thời nâng cao tình đoàn kết, tinh thần hữu nghị giữa hai quốc gia.

Nhằm đảm bảo công tác an ninh, Chi bộ chỉ đạo Ban Công an đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng, chủ động, phát hiện và truy bắt biệt kích, gián điệp ngăn chặn âm mưu của địch trong hậu phương của ta. Đồng thời phát động nhân dân thực hiện phong trào 7 nội dung bảo vệ trị an nông thôn, thực hiện khẩu hiệu “ba không” (không biết, không nghe, không nói) nhằm giữ vững tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn khu vực.

Quán triệt chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về đẩy mạnh thực hiện phong trào bảo vệ trị an thời chiến, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, Xã đội kết hợp với lực lượng dân quân tăng cường tập luyện, sẵn sàng ứng phó trong trường hợp khẩn cấp nhằm hạn chế sự phá hoại của đế quốc và hoạt động của bọn việt gian, bảo vệ trật tự trị an, ổn định tinh thần giúp quần chúng nhân dân yên tâm trong lao động sản xuất.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ Đảng thực hiện cuộc vận động xây dựng Chi bộ 4 tốt¹, trong đó quần chúng nhân dân tích cực tham gia phê bình đảng viên và đề xuất ý kiến đối với sự lãnh đạo của Đảng của Chi bộ, đồng thời trên tinh thần tự giác, đảng viên tiến hành phê

1. Chi bộ Bốn tốt: Lãnh đạo tốt sản xuất. Lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách. Lãnh đạo tốt công tác vận động quần chúng. Lãnh đạo tốt công tác củng cố, phát triển Đảng.

bình, tự phê bình, nghiêm túc phát hiện, sửa sai, khắc phục hạn chế của bản thân. Qua đợt kiểm tra, nhận thức, trách nhiệm của đảng viên được nâng cao, năng lực lãnh đạo của Chi bộ ngày một phát triển, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền. Năm 1968, Chi bộ có 29 đảng viên.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể phát huy vai trò giám sát, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong địa phương. Đoàn thanh niên xã thực hiện phong trào “Ba sẵn sàng” và “Năm xung phong” do Trung ương Đoàn phát động. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng đập xi - phong trung thủy nông, Đoàn thanh niên xã nhiệt tình tham gia vận chuyển vật liệu xây dựng, xi măng về xã phục vụ công tác xây dựng, giành được nhiều thành tích lớn.

Hội Phụ nữ xã phát động phong trào “ba đảm đang”, vượt qua khó khăn, hoàn thành mọi công việc, giữ vững hậu phương để chồng con ở tiền tuyến yên tâm chiến đấu. Các cụ lão trong các thôn bản hăng hái thi đua các phong trào “ba hăng hái”, tham gia sản xuất, trông trọt, chăn nuôi góp phần hoàn thành nghĩa vụ hậu phương của toàn dân trong xã.

Sau những thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam-Bắc nước ta. Tháng 11/1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri. Miền Bắc nước ta nói chung, Chi bộ và nhân dân Mỹ Thanh nói riêng tạm thời có hòa bình, bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam.

2. Khôi phục kinh tế - xã hội, tích cực chi viện cho miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần 2 của đế quốc Mỹ (1969-1972)

Sau khi chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, tình hình hai miền có sự thay đổi đáng kể, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược từ “Chiến tranh cục bộ” sang “Việt Nam hóa chiến tranh”, đẩy đồng bào miền Nam đương đầu với những thử thách, khó khăn mới. Trong khi đó, nhân dân miền Bắc tạm thời không bị đánh phá, tranh thủ tình hình đẩy mạnh thi đua sản xuất, tích cực chi viện cho tiền tuyến miền Nam tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Từ năm 1968 đến năm 1972, Chi bộ xã tổ chức 2 kỳ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1969-1971 và nhiệm kỳ 1971-1973. Các kỳ Đại hội thông qua báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ mới: tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nông nghiệp, góp phần chi viện cho tiền tuyến lớn; duy trì cảnh giác nhằm đối phó với trường hợp địch đánh phá trở lại; giữ vững an ninh chính trị, củng cố chính quyền. Trong cả 2 kỳ Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Bàn Tiên Hiền làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính).

Giữa lúc nhân dân ta đang phấn khởi đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngày 2/9/1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, để lại muôn vàn thương tiếc cho dân tộc ta. Biến đau thương thành

sức mạnh, Chi bộ và nhân dân Mỹ Thanh cùng nhân dân cả nước quyết tâm thực hiện di chúc của Bác, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã tranh thủ thời gian hòa bình, tích cực đẩy mạnh sản xuất. Tuy gặp nhiều khó khăn vì xã có nhiều thanh niên lên đường nhập ngũ, lực lượng sản xuất bị ảnh hưởng, tuy nhiên trong hợp tác xã với tinh thần đoàn kết tập thể, tương trợ trong lao động, đồng bào đã chung tay tham gia giúp đỡ nhau trong các trồng trọt, cấy cấy đảm bảo sản xuất nông nghiệp diễn ra ổn định. Năm 1971, hợp tác xã đưa giống lúa nông nghiệp 8 cho bà con xã viên gieo trồng, góp phần tăng nhanh năng suất cây trồng. Năm 1969 lương thực bình quân đầu người đạt 308,5kg/ người, năm 1971, năng suất được 6 tấn/ha, đạt 330,1kg/ người. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, xã đóng góp 18 tấn lương thực, thực phẩm chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, Chi bộ xã Mỹ Thanh chủ trương đẩy mạnh củng cố hợp tác xã nông nghiệp, mở các lớp học tập Điều lệ hợp tác xã bậc cao, nhằm nâng cao ý thức làm chủ tập thể của các xã viên và trình độ quản lý của cán bộ. Qua đó, sắp xếp lại các đội sản xuất sao cho hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả lao động. Bên cạnh công tác phục hồi sản xuất nông nghiệp, trong lâm nghiệp, nhận thức vai trò của rừng với công cuộc xây dựng kinh tế và chiến đấu, Chi bộ Đảng đẩy mạnh công tác khôi phục diện tích rừng tự nhiên. Chi bộ tổ chức nhanh chóng trồng cây gây rừng, phủ xanh các khu vực bị

tàn phá, đặc biệt những khu vực có hệ thống đường giao thông, góp phần che giấu đường di chuyển, vận tải của ta trong công tác dân vận.

Trong giáo dục, năm 1972, thực hiện Quyết định số 156-TC/CQ của Huyện ủy Bạch Thông, trường cấp II Mỹ Thanh được thành lập do thầy Thang Văn Cháp làm Hiệu trưởng. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh được sửa chữa và bổ sung. Đoàn thanh niên xã tích cực giúp đỡ nhà trường trong hoạt động đóng mới bàn ghế, bục giảng. Công tác y tế xã đảm bảo thực hiện việc khám chữa bệnh cho đồng bào, các cán bộ sẵn sàng làm nhiệm vụ cứu thương khi nhân dân bị không quân địch đánh phá.

Trong công tác quốc phòng, Chi bộ Đảng lãnh đạo chính quyền và nhân dân thực hiện tốt công tác chuẩn bị chiến đấu, trong đó, luôn giữ vững tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó trong trường hợp địch quay lại; tiếp tục triển khai công tác đào hầm, hào...; phổ biến với nhân dân các phương án dự phòng, sơ tán, chiến đấu. Thực hiện n ghĩa vụ chi viện sức người cho tiền tuyến, từ năm 1968-1972, xã tiễn đưa 21 người lên đường vào Nam chiến đấu. Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Chi bộ Đảng tập trung thực hiện cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh” theo tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW ngày 6/3/1970 của Bộ chính trị và Chỉ thị 192-CT/TW, ngày 16-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng”, dưới sự lãnh

đạo của Chi bộ, các đảng viên nghiêm túc thực hiện cuộc vận động phê bình, tự phê bình, đồng thời gương mẫu thực hiện chương trình “4 nghĩa vụ” và “5 dứt điểm”¹, nhờ đó từ năm 1970 đến năm 1972, toàn Chi bộ không có đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, qua đó công tác quản lý đảng viên đi vào nền nếp, đảng viên ổn định về tư tưởng, có phẩm chất chính trị trong sáng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Từ thực tiễn các phong trào, nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, đến năm 1972 Chi bộ có 32 đảng viên.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính được thực hiện nghiêm túc. Trình độ chuyên môn và năng lực chỉ đạo của cán bộ được nâng cao, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như hoạt động quản lý mọi mặt đời sống của nhân dân được chấp hành đầy đủ. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và sự vận động của các đoàn thể, ngày 11/4/1971, xã hoàn thành thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa IV với 98% tham gia.

Mặt trận tổ quốc tăng cường hoạt động giám sát, vận động các đoàn thể cùng đồng bào các dân tộc thực hiện chủ trương và chính sách của các cấp lãnh đạo, góp phần nâng cao tinh thần đại đoàn kết trong toàn dân. Phát huy tinh thần thanh niên xung phong, Đoàn Thanh

1. Nghị quyết số 195 ngày 6/3/1970 của Bộ Chính trị quy định 4 nghĩa vụ gồm: học tập, lao động, quân sự và đóng góp cho nhà nước, 5 dứt điểm gồm: chấm dứt công nợ nhập hàng, nhanh chóng thanh toán nợ cũ, chấm dứt móc ngoặc, mua bán sai chính sách, buôn vàng vật tư ra ngoài, chấm dứt lấn chiếm đất hợp tác xã, chấm dứt chèn chèn không chính đáng, chấm dứt tham ô và lập quỹ đen riêng

niên tích cực thực hiện hoạt động xã hội, dọn dẹp, sửa sang đường xá, tham gia sản xuất nông nghiệp, đồng thời giúp đỡ các gia đình có người đi bộ đội. Hội phụ nữ xã tích cực giúp đỡ hội viên trong lao động, đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra đầy đủ, đảm bảo việc nhà góp phần giữ vững hậu phương cho chồng con ngoài tiền tuyến yên tâm đánh giặc.

Ngày 16/4/1972, Đế quốc Mỹ ném bom trở lại miền Bắc, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Chi bộ Đảng và chính quyền Mỹ Thanh thực hiện tốt hoạt động chuẩn bị chiến đấu, hệ thống hầm hào được tu sửa, đào mới. Công tác truyền thông, thông tin được đảm bảo đầy đủ, báo động kịp thời mỗi khi máy bay địch xuất hiện. Nhờ chủ động trong chuẩn bị chiến đấu, thực hiện tốt các đợt tập huấn, quân và dân Mỹ Thanh đảm bảo nhanh chóng công tác di tản, trú ẩn, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. Đồng thời, duy trì hoạt động sản xuất, cung cấp lương thực cho quân và dân.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu (từ 18 đến 29/12/1972), quân và dân ta đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận, buộc chúng phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, ký Hiệp định Pa-ri về lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973). Hòa bình được lập lại ở miền Bắc, nhân dân Mỹ Thanh cùng nhân dân miền Bắc bước vào thời kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi sản xuất, đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến, tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội, tích cực chi viện cho tiền tuyến, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)

Theo Hiệp định Pa-ri, quân viễn chinh Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, song chúng vẫn duy trì 2 vạn cố vấn quân sự đội lốt dân sự, âm mưu phá hoại Hiệp định, chia cắt lâu dài đất nước ta. Nhiệm vụ của quân dân miền Bắc lúc này là: tập trung khai thác hậu quả chiến tranh, tích cực phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở chi viện miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày 28/1/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước đoàn kết, khắc phục hậu quả sau chiến tranh và khôi phục sản xuất.

Năm 1973, Chi bộ Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1973-1975, Chi bộ tổng kết quả đã đạt được trong các nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra kế hoạch thực hiện chủ trương trong việc phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất trong giai đoạn quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, thực hiện nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, góp phần vào sự nghiệp thống nhất đất nước. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Quý làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Bàn Tiến Hiền - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính).

Sau Đại hội, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về xây dựng các cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu quả trong công tác lãnh đạo tại các địa phương nhằm ngăn chặn các hoạt động phi pháp trong kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, Chi bộ tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị góp phần nâng cao nhận thức về tình

hình, nhiệm vụ mới của đất nước đồng thời bồi dưỡng ý chí cách mạng và giữ gìn phẩm chất người cộng sản cho các đảng viên.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Bạch Thông về “Đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi, phát triển mạnh nghề rừng”, Chi bộ chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đảm bảo nguồn cung cho xã viên đồng thời góp phần chi viện cho tiền tuyến, nhờ sự đoàn kết, giúp đỡ trong hợp tác xã, các xã viên nhanh chóng phục hồi các cánh đồng lúa, đưa vào sản xuất. Năm 1974, sản lượng lương thực quy thóc toàn xã đạt 275,8 tấn.

Đi đôi với sản xuất cây lương thực, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động chăn nuôi, năm 1975 xã tiến hành xây dựng 1 trại chăn nuôi ở Phắc Bền - Bản Luông nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chăn nuôi hơn 40 con lợn cùng nhiều đàn gia cầm để nộp nghĩa vụ với nhà nước.

Công tác trồng và bảo vệ rừng được thực hiện nghiêm ngặt, trước tình trạng chặt phá, đốt rừng làm nương rẫy trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Kạn diễn ra phức tạp, tại Mỹ Thanh và nhiều xã thuộc huyện Bạch Thông, công tác bảo vệ, phục hồi rừng có thành tích khá, Đoàn thanh niên xã có phong trào trồng đôi cây, rừng cây đời đời nhớ ơn Bác, các cụ lão trồng 2 cây tre, Hợp tác xã trồng 1 đôi cây, nhà trường trồng 1 đôi cây tre ở Phắc Bền.

Công tác giáo dục và y tế được chú trọng, sau chiến tranh phá hoại lần 2, các trường lớp trong xã được sửa sang sạch đẹp, khang trang, đội ngũ giáo viên tận tâm với nghề, không quản khó khăn, thiếu thốn tận tình lên lớp dìu dắt con em học sinh các dân tộc, thực hiện khẩu hiệu “5

điều Bác Hồ dạy” dành cho thiếu niên nhi đồng, toàn thể học sinh xã Mỹ Thanh thi đua làm theo lời Bác dạy, ra sức phấn đấu thi đua trong học tập, góp phần nâng cao tinh thần cho cha anh chiến đấu trên chiến trường.

Trong công tác y tế, trước năm 1970, hoạt động y tế cùng cơ sở vật chất được đặt chung trong Ủy ban xã, sau năm 1970, nhằm tạo điều kiện hoạt động y tế phát triển, hoàn thành tốt nhiệm vụ, xã xây dựng nhà cấp 4 làm trạm xá xã đầu tiên do ông Hoàng Văn Nhạ - y sỹ làm trưởng trạm, các y tá Triệu Thị Bẩm, Nguyễn Văn Chúc làm hộ lý. Trạm nhanh chóng đi vào hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh, đảm bảo sức khỏe tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện.

Đi đôi với phục hồi phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, công tác đảm bảo trật tự an ninh xã hội trên địa bàn xã được Chi ủy, chính quyền chỉ đạo Ban Công an thực hiện tốt. Các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, rượu chè diễn ra phức tạp, gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân. Với sự nỗ lực của Chi bộ và Ban Công an bằng các biện pháp tăng cường kiểm tra, giám sát và tuyên truyền, các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi, nhân dân yên tâm sản xuất.

Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh lần thứ 6, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn cũng như nghiệp vụ trong quân sự cho các cán bộ và lực lượng dân quân trong xã đội, trong các tháng 2 và tháng 5/1973, Ban Chỉ huy xã đội cử các đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng tập huấn chương trình huấn luyện cho cán bộ

xã đội, đại đội tự vệ, cán bộ trung đội dân quân, tự vệ. Qua đợt tập huấn, các cán bộ và những đồng chí trong lực lượng dân quân xã Mỹ Thanh đều hoàn thành đợt tập huấn với các chương trình bắn súng, cứu thương, ném lựu đạn... nhiều đồng chí đạt loại khá và giỏi.

Trước tình hình cách mạng miền Nam có nhiều chuyển biến theo xu hướng có lợi cho cách mạng cả nước, hậu phương miền Bắc gấp rút hoàn thành các đợt chỉ tiêu tuyển quân, chi viện cho tiền tuyến. Thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng với Tổ quốc, nhiều thanh niên xã Mỹ Thanh hăng hái tham gia nghĩa vụ quân sự, góp phần vượt chỉ tiêu 10,6% kế hoạch tuyển quân của huyện Bạch Thông đợt tháng 2/1975.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ đẩy mạnh công tác bồi dưỡng quần chúng ưu tú, giới thiệu kết nạp Đảng. Từ năm 1973 đến năm 1975 trung bình mỗi năm Chi bộ kết nạp 2 đảng viên, đến năm 1975, tổng số đảng viên toàn chi bộ lên 37 người. Qua đó, góp phần tăng cường sức mạnh của Chi bộ, nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong nhiệm kỳ quan trọng sắp tới.

Chính quyền xã và các đoàn thể thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Ủy ban nhân dân xã đẩy mạnh hoạt động thực hiện chủ trương của các cấp ủy Đảng, nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội nhằm vận dụng sáng tạo chính sách của nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo thực hiện. Mặt trận tổ quốc tích cực vai trò giám sát, cổ vũ cho chính quyền trong nhiều vấn đề kinh tế, văn hóa - xã hội. Năm 1975, Mặt trận tổ chức tuyên truyền, phổ biến với

nhân dân hoạt động Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần vào thắng lợi của cuộc bầu cử ngày 6/4/1974 với 95% đồng bào xã tham gia, qua đó nâng cao hiểu biết và nhận thức của nhân dân về vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của bản thân trong việc chọn ra đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất ở nhà nước và địa phương. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, giúp đỡ các gia đình chính sách, thương binh, gia đình có chồng con ra trận làm nhà cửa, hỗ trợ các em học sinh đi học, đóng đồ dùng sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, các đoàn thể còn tổ chức giúp đỡ đồng bào, đặc biệt là các gia đình khó khăn trong hoạt động sản xuất, phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau của đồng bào các dân tộc.

Ngày 30/4/1975 chế độ ngụy quyền Sài Gòn sụp đổ, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước hoàn thành thắng lợi vẻ vang, đất nước được thống nhất. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Mỹ Thanh tổ chức mít - tinh, treo cờ, ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh chào mừng ngày toàn thắng.

Trải qua hơn 21 năm (1954-1975) vừa xây dựng quê hương vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân Mỹ Thanh đã đoàn kết vượt qua khó khăn, gian khổ giành được những kết quả to lớn. Từ năm 1954-1969, Chi bộ Đảng lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân, xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Bên cạnh đó, Chi bộ và nhân dân Mỹ Thanh còn đạt được nhiều kết quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, đời sống nhân

dân dần ổn định, sản lượng lương thực đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của nhân dân. Cơ sở vật chất không ngừng được đổi mới, công tác giáo dục, y tế không ngừng phát triển. Từ năm 1965-1975, nhân dân Mỹ Thanh vững vàng vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, đồng thời chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Theo tiếng gọi của Tổ quốc, trong 10 năm (1965-1975), trên địa bàn xã Mỹ Thanh có gần 100 thanh niên nam nữ ưu tú lên đường ra trận, có người xung phong vào các mặt trận chiến đấu, có người vào các đội dân công hỏa tuyến phục xây dựng, sửa chữa đường giao thông, vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm. Các đồng chí đã chịu muôn vàn khó khăn gian khổ, chiến đấu anh dũng góp phần vào những chiến thắng vang dội, trong đó 17 đồng chí anh dũng hy sinh, 11 đồng chí là thương, bệnh binh, 8 đồng chí bị nhiễm chất độc màu da cam. Bên cạnh đó, xã đóng góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm cho chiến trường.

Từ thực tiễn cách mạng, Chi bộ trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, trở thành cầu nối giữa Đảng với quần chúng. Từ đó, đã huy động được sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng do Trung ương Đảng đề ra. Đó là những kinh nghiệm quý báu để Chi bộ và nhân dân Mỹ Thanh tiến lên xây dựng và phát triển quê hương, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn tiếp theo.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Mùa xuân năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc thắng lợi, miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, toàn Đảng toàn dân ta phấn khởi bước vào thời kỳ hòa bình, xây dựng và phát triển đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hòa chung không khí cả nước sau giải phóng, Chi bộ Đảng và nhân dân Mỹ Thanh bắt tay vào công cuộc xây dựng quê hương, cải thiện đời sống nhân dân.

Bước vào giai đoạn mới, Chi bộ Đảng cùng nhân dân Mỹ Thanh gặp nhiều khó khăn trong quản lý và phát triển kinh tế. Nông nghiệp tuy phục hồi nhưng cơ bản vẫn là một nền sản xuất lạc hậu, hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng nhu cầu nước tưới cho các đồng ruộng, máy móc kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Bên cạnh những khó khăn, xã có những thuận lợi cơ bản, sau giải phóng Chi bộ và nhân dân phấn khởi đoàn kết lao động sản xuất, đội ngũ cán bộ xã được rèn luyện trong thực tiễn, ngày một trưởng thành. Sau giải phóng, nhiều con em quê hương Mỹ Thanh tham gia quân

đội trở về quê hương góp phần tăng cường nguồn lao động và cán bộ. Tính đến năm 1975, xã Mỹ Thanh có hơn 200 hộ, dân số khoảng 1.100 nhân khẩu với 520 lao động.

Ngày 29/9/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 24 (khóa III) ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó nêu nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là “Đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Tháng 12/1975, Chi bộ xã Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1975-1977. Đại hội đánh giá kết quả và khó khăn trong công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế và đóng góp của nhân dân trong chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, đồng thời, xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, chú trọng đến sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân; củng cố, kiện toàn chính quyền và các tổ chức đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Quý làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Bàn Tiến Hiền - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính).

Sau đại hội, Chi bộ lãnh đạo chính quyền và nhân dân ra sức thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra nhằm nhanh chóng phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong đó, trọng tâm là phát triển kinh tế xã hội, củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 228-CT/TW ngày 3/1/1976 của Bộ chính trị “Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu

Quốc hội chung của cả nước”, Chi bộ Mỹ Thanh chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tăng cường tuyên truyền, giáo dục về cuộc Tổng tuyển cử bằng nhiều hình thức phong phú.

Ngày 25/4/1976 hòa chung không khí cả nước, nhân dân Mỹ Thanh phấn khởi tham gia bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất khóa VI, (1976-1981). Quốc hội khóa VI họp phiên đầu tiên quyết định đổi tên nước thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp.

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đồng thời đề ra đường lối chung cho thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ 2.

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Bạch Thông. Năm 1977, Chi bộ xã Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1977-1979, sau khi thông qua báo cáo tổng kết về nhiệm kỳ 1975-1977, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, trong đó trọng tâm là thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ 2, đồng thời tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý hành chính, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chính quyền. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Quý làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Bàn Tiến Hiền làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Quán triệt Nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp, Chi bộ Mỹ Thanh lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương,

đường lối của Đảng; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tiên phong gương mẫu, ý chí tự lực, tự cường trong lao động sản xuất, xây dựng quê hương, góp phần giải quyết những khó khăn trong giai đoạn cách mạng mới.

Trong kinh tế, qua gần 30 năm xây dựng và phát triển hợp tác xã, đến năm 1976, xã Mỹ Thanh có 90 hộ vào hợp tác, tỷ lệ hộ tham gia hợp tác đạt gần 100%. Thực hiện phong trào thủy lợi do Chi ủy và chính quyền phát động, cán bộ và nhân dân xã chung tay tu sửa con mương từ Thừa Tèo về Đồng Phúc, qua đó, kịp thời hoàn thành cải tạo một diện tích lớn đất trồng phục vụ canh tác, đi đôi với công tác thủy lợi, hợp tác xã tiếp tục sử dụng các giống lúa cho năng suất cao đã được trồng từ các năm trước. Năm 1976, sản lượng lương thực toàn xã đạt 278,4 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 250kg/người/năm, năm 1978 do ảnh hưởng của thời tiết, tình trạng mưa lớn kéo dài gây ảnh hưởng đến sản xuất khiến sản lượng lương thực toàn xã đạt 271 tấn, lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 225kg/người/năm, tỉnh và huyện phải tổ chức cứu đói.

Ngoài ra, thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khai hoang đất trồng sản, Chi bộ, chính quyền chỉ đạo hợp tác xã giúp đỡ bà con khai hoang, mở diện tích trồng sản trong nhiều thôn bản của xã, đồng thời trồng thêm các loại cây ngắn ngày như khoai lang, ngô, đậu... nhằm tăng cường thêm nguồn lương thực.

Hoạt động chăn nuôi giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình trạng giá rét vào mùa đông và phần đất giành cho chăn nuôi chưa được giải quyết nên

số lượng trâu bò, lợn bị suy giảm. Trước những khó khăn trên, Chi bộ chỉ đạo hợp tác xã nhanh chóng tu sửa trại chăn nuôi, tiến hành vây chắn chống gió rét, đảm bảo nguồn thức ăn đầy đủ, giải quyết nhanh chóng diện tích đất cho chăn nuôi. Năm 1978, toàn xã có 162 con trâu.

Công tác bảo vệ và chăm sóc rừng chưa được chú trọng chưa đúng mức, hoạt động khai thác, phá rừng bừa bãi vẫn ra nghiêm trọng và có nhiều diễn biến phức tạp, làm cho một số khu vực đồi núi xuất hiện tình trạng đất trống, đồi trọc. Trong khi đó, hoạt động trồng rừng còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Do đó, trong các năm 1977, 1979 mưa lớn làm một số đồi bị xói mòn, gây nguy hiểm cho nhân dân một số thôn bản trước nguy cơ lũ quét.

Trong công tác giao thông, do ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài làm một khối lượng lớn đất đá và cây cối trên nhiều khu vực đồi núi tràn xuống lòng đường, gây khó khăn trong đi lại. Cùng với đó, lượng nước từ trên núi tiếp tục chảy xuống, gây ngập úng, lầy lội trên nhiều đoạn đường, cản trở hoàn toàn việc đi lại giữa các thôn bản cũng như giữa Mỹ Thanh và các xã xung quanh. Trước tình hình đó, Chi bộ, chính quyền chỉ đạo các ban ngành đoàn thể cùng nhân dân tham gia sửa chữa đường xá, khai thông các trục đường, đảm bảo việc đi lại an toàn cho nhân dân và vận chuyển hàng hóa.

Hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Trong giáo dục, chính quyền và nhân dân xã thường xuyên vận động con em đồng bào đi học để đảm bảo đúng độ tuổi đi học, nhiều chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn

được thực hiện. Mặc dù vậy, do chưa nhận thức đầy đủ về giáo dục nên nhiều gia đình chưa chú tâm việc cho con em đến trường học tập.

Trong công tác y tế, trạm xá xã bổ sung thêm bà Hoàng Thị Kỳ chuyên phụ trách về sản khoa và thăm khám bệnh, hoạt động tiêm chủng cho trẻ được đảm bảo 100%, công tác chăm sóc sức khỏe được thực hiện đầy đủ. Đặc biệt, Chi bộ, chính quyền cùng các cán bộ y tế thường xuyên thăm hỏi, có chính sách chữa bệnh cho các thương bệnh binh, thể hiện tinh thần biết ơn, đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

Giữa lúc nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Mỹ Thanh nói riêng đang ra sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống thì các thế lực nước ngoài liên tiếp có những hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới tại khu vực Tây Nam và phía Bắc nước ta. Trên toàn biên giới Tây Nam, tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt, Iêngxari phát động chiến tranh toàn diện xâm lược nước ta. Ngày 17/2/1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân xâm lược nước ta trên toàn địa bàn 6 tỉnh biên giới phía Bắc.

Tại Mỹ Thanh, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, lực lượng vũ trang xã được củng cố và xây dựng về mọi mặt. Lực lượng dân quân tích cực được huấn luyện, tập dượt, luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, nhiều cán bộ, đảng viên là quân nhân dự bị đã lên đường tái ngũ, thanh niên hăng hái tham gia khám tuyển làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, phát huy và nêu cao truyền thống cách mạng quê hương.

Cùng với công tác quốc phòng, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng. Tổ an ninh nhân dân được củng cố và hoạt động có hiệu quả, làm nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự địa phương và từng cơ quan đơn vị. Các ngành chức năng của xã tập trung rà soát, phát hiện, xử lý kịp thời một số vụ vi phạm, nắm chắc hoạt động của các loại đối tượng, thành phần tình nghi. Nhiều đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng từ trong Đảng đến quần chúng nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ âm mưu, bản chất của kẻ thù.

Trong công tác Đảng, thực hiện Thông tri 22-TT/TW ngày 5/9/1977 và Chỉ thị 72-CT/TW ngày 5/8/1979 của Ban Bí thư trung ương Đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng viên và đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng, Chi bộ xã Mỹ Thanh triển khai công tác phê bình, tự phê bình và phân loại đảng viên, nâng cao sức chiến đấu, uy tín của Đảng. Từ sau năm 1979, do ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh biên giới tác động không nhỏ đến tư tưởng của nhiều người, nhận thức vấn đề đó, Chi bộ tiến hành thắt chặt hoạt động kết nạp Đảng nhằm chọn người thực sự có cảm tình, trách nhiệm và kiên trung vào tổ chức đảng, do đó từ năm 1976 đến 1979, Chi bộ chỉ kết nạp 2 đảng viên, nâng tổng số đảng viên năm 1979 lên 39 đồng chí.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tích cực đẩy mạnh hoạt động, bảo đảm công tác hậu phương, Đoàn thanh niên phát huy tinh thần tuổi trẻ yêu nước, nhiều đoàn viên tuyên truyền vận động, đồng thời cùng thanh niên xã đăng

ký đi bộ đội, tham gia chiến đấu trên các chiến trường ác liệt. Hội phụ nữ tích cực giúp đỡ chị em hội viên trong sinh hoạt, nuôi dưỡng con cái, đảm bảo vững chắc hậu phương cho chồng, con ra trận.

Tháng 3/1979, Trung Quốc tiến hành rút quân khỏi các tỉnh biên giới phía bắc, nhân dân ta kết thúc thắng lợi của kháng chiến chống quân xâm lược, trong đó có một phần công sức và xương máu của nhân dân xã Mỹ Thanh.

Cuối năm 1979, Chi bộ Đảng Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1979-1981. Trong đại hội, Chi bộ đánh giá những thành tựu đã đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, nhất là xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời chỉ rõ khuyết điểm, thiếu sót cần khắc phục. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới là tập trung phát triển sản xuất, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố lực lượng dân quân, công an, sẵn sàng đập tan âm mưu của kẻ thù, làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể. Đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Bàn Tiến Hiền được bầu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy Ban nhân dân).

Sau 5 năm (1975-1980), Chi bộ và nhân dân Mỹ Thanh đạt được nhiều thành tựu to lớn trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau kháng chiến chống Mỹ, đồng bào các dân tộc đoàn kết, vượt qua thử thách, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội. Đồng thời, góp phần cùng nhân dân miền Bắc chiến đấu

chống quân xâm lược Trung Quốc, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

2. Thực hiện đổi mới trong cơ chế quản lý nông nghiệp, ổn định đời sống nhân dân (1981-1985)

Sau hơn 20 năm thực hiện mô hình quản lý hợp tác xã, hoạt động sản xuất nông nghiệp của nước ta đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Tuy nhiên, đến năm 1981, mô hình hợp tác xã dần bộc lộ những hạn chế và yếu kém, năng suất và sản lượng lương thực ngày một suy giảm, đời sống nhân dân trở nên khó khăn. Trước tình hình đó, Ban Bí thư trung ương Đảng ra Chỉ thị 100-CT/ TW ngày 13/1/1981 về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” nhằm phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục các nhược điểm, uốn nắn những sai sót, lệch lạc trong công tác quản lý hợp tác xã.

Nhằm chuẩn bị và tạo tiền đề thực hiện chủ trương mới của Trung ương Đảng năm 1981, Chi bộ Đảng xã Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1981-1983. Đại hội tiến hành tổng kết những kết quả đã đạt được cũng như hạn chế còn tồn tại trong nhiệm kỳ trước, đặc biệt đưa ra kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thực hiện Chỉ thị của cấp trên giao xuống với trọng tâm là công tác khoán. Sau Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Ngô làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy Ban nhân dân).

Đến năm 1983 thực hiện Quyết định của Huyện ủy Bạch Thông, Đảng bộ xã Mỹ Thanh chính thức được

thành lập với 42 đảng viên. Sự ra đời của Đảng bộ đánh dấu trang sử mới với toàn thể đảng viên và nhân dân Mỹ Thanh, thể hiện sự lớn mạnh của Chi bộ và trưởng thành của toàn thể đảng viên. Sau đó, Đảng bộ Mỹ Thanh tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ I nhiệm kỳ 1983-1986, Đại hội tổng kết những thành tựu và hạn chế trong nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ tiếp theo. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1983-1986 trong đó đồng chí Nguyễn Văn Quý được bầu làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Hoàng Văn Ngô làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Trên cơ sở Chỉ thị 100-CT/TW của Trung ương Đảng, Chi bộ và chính quyền xã Mỹ Thanh chỉ đạo các ban ngành phối hợp cùng hợp tác xã tiến hành công tác đo đạc, phân loại đất đai và nguồn lao động tiến tới nắm bắt diện tích, chất lượng đất cũng như số lượng lao động nhằm thực hiện công tác khoán hợp lý. Đồng thời, tổ chức phổ biến cho đồng bào các dân tộc nắm bắt nội dung cơ bản của chế độ khoán, góp phần phát huy tinh thần lao động, cần cù trong sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, căn cứ vào thực tiễn trình độ lao động của các hộ xã viên trong hợp tác xã, công tác khoán trên các khâu được phân chia đầy đủ, hợp lý, trong đó mỗi nhà được khoán 50kg thóc gánh với năng suất 3,5 tạ/bung, thời điểm cao nhất lên đến 4,5 tạ/bung. Ngoài ra, các hộ xã viên được hợp tác xã hỗ trợ trong một số khâu, nhằm đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm trong sản xuất.

Nhờ thực hiện chế độ khoán, bước đầu nền sản xuất nông nghiệp trong cả nước nói chung và Mỹ Thanh nói

riêng có bước chuyển biến, từ tổ chức nhỏ lẻ, quản lý lỏng lẻo, sản xuất tự do, từng hộ gia đình đã nâng cao tinh thần trách nhiệm trên mảnh ruộng của mình, hăng hái đẩy mạnh sản xuất, và hiệu quả trong lao động.

Tuy nhiên, nền nông nghiệp còn tồn tại nhiều hạn chế, công cụ lao động thô sơ, chậm cải tiến, lúa trồng 1 vụ vẫn là chủ yếu vì vậy, tuy sản lượng lương thực tăng hơn so với các năm trước nhưng chưa đủ đáp ứng nhu cầu trong nhân dân. Năm 1983, bình quân công điểm trong hợp tác xã, là 0,78kg/công đến năm 1985 là 1,1kg/công.

Trước tình hình đó, thực hiện chỉ đạo của các cấp ủy đảng, Chi bộ chủ trương tiến hành quán triệt cho các cán bộ trong công tác thực hiện chế độ khoán cần phải chống tư tưởng chần chừ, ngại khó, không quyết tâm cao trong hành động, nắm bắt chặt chẽ chủ trương của cấp trên, bám sát hoạt động sản xuất của nhân dân nhằm nắm bắt tình hình thực tiễn trong phong trào.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp gặp không ít khó khăn, ngành chăn nuôi chịu nhiều ảnh hưởng, số lượng đàn trâu, bò, lợn trong hợp tác xã liên tục giảm sút từ 170 con trâu xuống còn 159 con (1985). Mặc dù vậy, điểm nổi bật trong giai đoạn này là xã làm tốt công tác giữ gìn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc.

Bên cạnh những hoạt động trong hoạt động sản xuất, Chi bộ Đảng chú trọng, trong công tác văn hóa - xã hội, nhất là với giáo dục. Thực hiện Quyết định 135-QĐ/ CP của Hội đồng Chính phủ ngày 27/3/1981 về chuyển chương trình đào tạo của các trường phổ thông theo hệ 12 năm, trong

đó trường cấp I có 5 năm học, cấp II 4 năm và III 3 năm, lãnh đạo nhà trường các cấp I, II tại xã Mỹ Thanh nhanh chóng chuyển đổi nhằm phù hợp với tình hình mới. Bên cạnh đó, nhờ thực hiện tốt việc tuyên truyền ý nghĩa của hoạt động đi học cũng như vận động đồng bào cho con em tới trường, tỉ lệ trẻ đến tuổi đi học đạt 89% (1984).

Hoạt động y tế tiếp tục được chú trọng, tủ thuốc trạm xá được trang bị đầy đủ, đảm bảo số lượng phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, các cán bộ y tế xã được cử đi học tập tại các lớp tập huấn cấp trên, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực. Công tác tiêm phòng cho trẻ em được thực hiện đầy đủ, trạm tích cực đẩy mạnh hoạt động giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, xây dựng 3 công trình vệ sinh ở hộ gia đình. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện chủ trương về dân số của Trung ương Đảng, Chính phủ, trong giai đoạn 1981-1985, cán bộ y tế xã triển khai công tác tuyên truyền về dân số và kế hoạch hóa gia đình, nhờ nỗ lực của Ban Y tế xã, tốc độ tăng dân số giảm từ 2,6% (1981) xuống còn 2,4% (1985).

Bước sang giai đoạn mới, công tác quốc phòng an ninh trật tự trên địa bàn xã được tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, sau năm 1979, tuy Trung Quốc đã rút quân, nhưng tình hình biên giới diễn ra căng thẳng, thực hiện chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chi bộ lãnh đạo lực lượng tự vệ, dân quân luôn cảnh giác, đề phòng gián điệp của địch, bảo vệ vững chắc an ninh quốc phòng trên địa bàn xã. Ban chỉ huy quân sự xã tích cực tuyên truyền thanh niên nhập ngũ, thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân với Tổ quốc, hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao cho. Tình hình

trật tự trị an diễn biến phức tạp, trong đó nổi bật là nạn là trộm cắp trâu bò và nông sản của nhân dân, trong các năm từ 1983 đến 1985, đồng bào bị bắt 8 con trâu trong đó 1 trường hợp 3 con bị làm thịt tại chỗ, 1 con trâu cái chữa tại chuồng trâu Khau Ca bị chặt đứt chân. Ngoài ra, tình trạng ăn trộm ngô ngoài soi thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của đồng bào. Trước tình hình đó, Đảng bộ quán triệt tăng cường công tác an ninh, Ban Công an xã nghiêm túc chấn chỉnh, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động phòng trừ trộm cắp, bảo vệ tài sản của nhân dân.

Trong công tác Đảng, Chi bộ chú trọng thực hiện công tác phê bình, tự phê bình tiến tới kiểm tra theo quy định nhằm đánh giá chất lượng, phân loại, phát hiện các đảng viên yếu kém, từ đó tăng cường rèn luyện, nâng cao nhận thức và bồi dưỡng đạo đức, năng lực để vươn lên, góp phần nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát thẻ Đảng, Chi bộ Mỹ Thanh triển khai công tác phát thẻ cho các đồng chí đảng viên Chi bộ, với những trường hợp các cán bộ đã nghỉ hưu hoặc mới chuyển về xã, Chi bộ tiến hành thẩm định, kiểm tra nghiêm túc, tiến tới phát thẻ Đảng đầy đủ cho các đồng chí.

Trong công tác xây dựng Đảng, cán bộ, quần chúng ưu tú, thanh niên tích cực tham gia các hoạt động xã hội được Chi bộ gửi đi học các lớp bồi dưỡng về Đảng và tổ chức kết nạp khi đủ điều kiện. Tổ chức đảng phát triển, công tác nắm bắt tình hình thực tiễn đời sống nhân dân sát

sao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Chi bộ đến từng thôn bản.

Các ban ngành đoàn thể tiếp tục kiện toàn trong tổ chức và hoạt động. Hội đồng nhân dân xã phát huy vai trò là cơ quan quyền lực của nhân dân, luôn nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của bà con, nhằm đưa kiến nghị, yêu cầu các cơ quan ban ngành đoàn thể có chính sách phù hợp hỗ trợ đồng bào. Ủy ban nhân dân xã đẩy mạnh thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tăng cường kiểm tra hoạt động của cán bộ nhằm đảm bảo công tác thực hiện diễn ra nghiêm túc. Năm 1985, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Mỹ Thanh đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp với 99% cử tri tham gia.

Mặt trận tổ quốc thực hiện tốt công tác giám sát, tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giới thiệu các đại biểu ưu tú, có năng lực ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã. Vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới, lành mạnh trong nếp sống, sinh hoạt và sản xuất, qua đó, nhiều hộ gia đình được cấp bằng gia đình văn hóa.

Hội Phụ nữ xã tích cực tuyên truyền các hội viên thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con em khỏe mạnh, chăm ngoan. Hội cũng tổ chức giúp đỡ các gia đình hội viên gặp khó khăn trong sản xuất và cuộc sống, tạo tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

Hội nông dân xã tổ chức các buổi tuyên truyền về chính sách “Khoán 100” của Đảng nhằm giúp bà con nông dân hiểu rõ và nắm bắt được chủ trương mới của Đảng